

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2021/HS-PT

Ngày: 13/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo: Lương Duy T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 17/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo kháng cáo: Lương Duy T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1967, tại tỉnh Quảng Bình. Cư trú tại: tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ Hội Nông dân tỉnh Quảng Bình; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Duy Q và bà Cao Thị L (đều đã chết); có vợ: Trần Thị S (đã ly hôn), có 2 con sinh các năm 1992, 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 14 tháng 5 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt

2. Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Duy T:* Luật sư Đỗ N T, Văn phòng Luật sư C, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Luật sư Lê H S, Công ty Luật TNHH một thành viên X Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có địa chỉ tại: tỉnh Thừa Thiên Huế. Các luật sư có mặt.

Người bị hại có kháng cáo:

1. Ông Châu Công L, sinh năm 1961, trú tại: xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1959, trú tại: xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
3. Ông Nguyễn Đại S, sinh năm 1992, trú tại: xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948, trú tại: xã T huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

5. Ông Trần Q N, sinh năm 1970, trú tại: xã Hiền N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
6. Ông Đ Văn T, sinh năm 1959, trú tại: xã Nghĩa N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954, trú tại: Thôn Phúc S, xã Vạn N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
8. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968, trú tại: huyện T, tỉnh Quảng Bình.
9. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1969, trú tại: xã X N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
10. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962, trú tại: xã Vạn N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
11. Bà Lê Thị H X, sinh năm 1963, trú tại: xã S T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.
12. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962, trú tại: Thôn X Dục 1, xã X N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
13. Ông Lê Quốc C, sinh năm 1970, trú tại: Thôn X Dục 4, xã X N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
14. Ông Cao Tiến H sinh năm 1958, trú tại: xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình.
15. Bà H Thị H, sinh năm 1960, trú tại: xã Lương N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
16. Ông Cao X H, sinh năm 1969, trú tại: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
17. Bà Phạm Thị An T, sinh năm 1967, trú tại: xã Duy N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
18. Ông Lê Anh T, sinh năm 1991, trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Bình.
19. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Bình.
20. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965, trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Bình.
21. Ông Lê Đình L, sinh năm 1988, trú tại: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
22. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959, trú tại: Thôn 9, xã Lộc N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Ông C, ông H, bà Đ, ông N vắng mặt; còn lại đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Đại S, ông Châu Công L: Luật sư Hồ L H, Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 55 người bị hại và 24 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với bị cáo Lương Duy T:

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2019, Lương Duy T đã dùng thủ đoạn gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm để chiếm đoạt tài sản của 77 người (có 2 người thông qua bị cáo Dương Văn T1; có 3 người thông qua người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) với tổng số tiền 19.513.000.000 đồng, sau đó bị cáo đã khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền 2.650.000.000 đồng, hiện đang còn chiếm đoạt số tiền 16.893.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 7/2013, ông Nguyễn Văn C, trú tại thị trấn Đ, huyện TH, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T hỏi về việc xin việc làm

cho em vợ vào trong ngành giáo dục, T đồng ý và đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho em vợ của ông C vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình với mức giá là 150.000.000 đồng. Ông C tin là thật nên đã giao cho T 150.000.000 đồng và hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Thị H H. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn C và sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Lần thứ 02: Năm 2014, ông Đặng Anh T, trú tại xã Đức N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T để hỏi về việc chuyển biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình. T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng chuyển được biên chế chính thức cho ông T với mức giá là 150.000.000 đồng, đưa trước 50.000.000 đồng tiền đặt cọc. Ông T tin là thật nên đã giao 50.000.000 đồng cho T, T hứa hẹn một tháng sau T có quyết định. Đến năm 2015, Lương Duy T yêu cầu ông T đưa thêm 50.000.000 đồng để phục vụ cho đợt xét tuyển năm 2015, ông T đã đưa cho T số tiền trên. Năm 2016, Lương Duy T thông báo cho ông T sắp có kết quả, việc của ông T sắp thành công, yêu cầu ông T đưa tiếp 50.000.000 đồng, ông T đã đưa cho T số tiền trên. Năm 2017, Lương Duy T thông báo cho ông T, gặp khó khăn do giảm biên chế nên yêu cầu ông T đưa thêm 50.000.000 đồng để giải quyết, ông T đã đưa cho T số tiền trên. Năm 2018, Lương Duy T thông báo cho ông T sắp có quyết định, yêu cầu ông T đưa thêm cho T 50.000.000 đồng và ông T đã đưa cho T số tiền trên. Đầu năm 2019 Lương Duy T thông báo cho ông T chuẩn bị có quyết định, yêu cầu ông T đưa thêm 20.000.000 đồng, ông T đã đưa cho T 17.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 3/2019, T tiếp tục yêu cầu ông T đưa thêm 20.000.000 đồng và ông T đã đưa cho T số tiền trên. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm cho ông Đặng Anh T mà chiếm đoạt tổng số tiền 287.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội.

- Lần thứ 03: Tháng 7/2014, ông Võ Q B, trú tại xã H T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, thông qua các mối quan hệ ngoài xã hội, ông B biết và liên hệ với Lương Duy T để tìm hiểu về việc xin việc làm cho con ông B. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con ông B vào làm chính thức tại Bệnh viện Đa khoa Đ với mức giá 180.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 27 tháng 7 năm 2014, ông B đã giao cho T số tiền 180.000.000 đồng, T hứa hẹn đến năm 2015 con ông B sẽ được làm chính thức. Tuy nhiên, T không thực hiện mà chiếm đoạt tiền sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông B nhiều lần thúc dục thì T tiếp tục hứa hẹn, sau một thời gian biết T không có khả năng xin được việc làm nên ông B tìm T để lấy lại tiền, T đã trả lại 80.000.000 đồng, còn đang chiếm đoạt của ông B số tiền 100.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy mượn tiền” lập ngày 27 tháng 7 năm 2014. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 04: Năm 2015, bà Đặng Thị T H, trú tại xã Đức N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, thông qua các mối quan hệ bạn bè biết được Lương Duy T có khả năng xin được việc làm, nên bà H gọi điện nhờ Lương Duy T xin làm giáo viên trên địa bàn tỉnh. Lương Duy T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho bà H vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình với mức giá 170.000.000 đồng và hứa hẹn năm 2017 bà H sẽ đi làm. Bà H đồng ý và đã đưa cho T số tiền 170.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm cho bà H mà chiếm đoạt số tiền trên. Sau khi biết T không có khả năng xin được việc làm, bà H nhiều gọi điện và gặp T để lấy lại tiền, đến tháng

3/2019 Lương Duy T đã trả cho bà H 5.000.000 đồng, còn lại số tiền 165.000.000 đồng, T không có khả năng trả. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy hẹn trả nợ có chữ ký Lương Duy T. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 05: Khoảng tháng 5/2015, ông Châu Công L, trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T nói rằng có con học Trường y Đà Nẵng vừa tốt nghiệp, gia đình có nguyện vọng tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông L vào làm tại Bệnh viện Đa khoa huyện Q, mức giá là 150.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 16 tháng 6 năm 2015, ông L mang số tiền 150.000.000 đồng và hồ sơ xin việc tên Châu Thị L giao trực tiếp cho T tại thành phố Đ, T hứa hẹn đến tháng 8/2015 con ông L sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, T không thực hiện xin việc làm và chiếm đoạt của ông L số tiền 150.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội, hồ sơ xin việc T đã làm mất. Đến hẹn, thấy không có quyết định đi làm, ông L nhiều lần đòi lại tiền và T đã trả được 60.000.000 đồng, còn lại số tiền 90.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy bên trong có nội dung “chú T nhận tiền của anh L số tiền 150.000.000 đồng” lập ngày 16/6/2015; 01 một tờ giấy có tiêu đề giấy hẹn trả nợ, lập ngày 15/1/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 06: Vào tháng 5/2015, bà Đỗ Thị B, trú tại xã Vĩnh N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình gặp Lương Duy T, quá trình nói chuyện, bà B nói có con vừa học ra trường nhưng chưa có việc làm. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà B vào làm chính thức tại nhà nghỉ thuộc Bộ Công an, mức giá là 170.000.000 đồng, hứa hẹn hai tháng sau sẽ có quyết định đi làm. Tin là thật, ngày 20 tháng 6 năm 2015, bà B đưa cho Lương Duy T số tiền 170.000.000 đồng và hồ sơ xin việc mang tên H Thị Hiền T tại thành phố Đ. Đến tháng 7/2017, do không thấy có quyết định, bà B tìm T để lấy lại tiền, nhưng T không có trả mà tiếp tục đưa ra thông tin có khả năng xin cho đứa con thứ hai của bà B vào làm việc tại sân bay Đ. Sau đó, T mua sim rác, gọi điện cho bà B tự xưng là Cán bộ tổ chức tuyển dụng của Cục Hàng không, thông báo đã nhận hồ sơ và yêu cầu bà B đưa thêm 50.000.000 đồng để đào tạo tiếng Anh. Ngày hôm sau, T gọi lại cho bà B yêu cầu bà B thực hiện theo yêu cầu của Cán bộ tổ chức tuyển dụng Cục Hàng không và đưa thêm cho T 20.000.000 đồng chi phí. Bà B đã đưa cho T 64.000.000 đồng, T hứa hẹn đến tháng 11/2018 con bà B có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt của bà Đỗ Thị B tổng số tiền 234.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội.

- Lần thứ 07: Đầu năm 2016, bà Phạm Thị H, trú tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình liên hệ với Lương Duy T nói rằng đang có nhu tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà H vào làm viên chức tại T tâm khuyết tật Đ, mức giá 200.000.000 đồng, đưa trước 100.000.000 đồng, sau khi thực hiện được sẽ đưa thêm 100.000.000 đồng. Tin là thật, bà H đã hai lần đưa tiền cho T tổng cộng 200.000.000 đồng, T hứa hẹn một tháng sau con bà H có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt của bà Phạm Thị H số tiền 200.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, bà H nhiều lần liên lạc để lấy lại tiền, T đã trả lại cho bà H 125.000.000 đồng, còn lại 75.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4 có tiêu đề Giấy nhận tiền, ghi ngày 20/01/2017; 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên M Thị Kiều O. Kết luận giám định của

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 08: Tháng 3/2016, ông Lê X H, trú tại phường B L, thành phố Đ, Quảng Bình đang có nhu cầu chuyển công tác cho vợ là giáo viên đang giảng dạy tại huyện B vào thành phố Đ nên đã tìm gặp Lương Duy T để tìm hiểu. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin chuyển được công tác cho vợ ông H vào giảng dạy tại Trường THCS H với mức giá là 200.000.000 đồng. Tin là thật, ông H đã 02 lần giao cho T với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. T hứa hẹn một tuần sau vợ ông H có quyết định chuyển công tác. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện, mà chiếm đoạt của ông Lê X H là 200.000.000 đồng và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội.

- Lần thứ 09: Tháng 4/2016, bà Trần Thị P, trú tại xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T nói rằng đang có nhu cầu tìm chỗ làm cho con sau khi ra trường, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con bà P vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình, giảng dạy tại Trường THCS số 2 B L, thành phố Đ, mức giá là 200.000.000 đồng, T hứa hẹn đến ngày 02/8/2016, con bà P có quyết định đi làm. Tin là thật, ngày 22/4/2016, bà P đã đưa cho T số tiền 100.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc làm mang tên Trần Trương L; ngày 22/5/2016, bà P tiếp tục đưa cho T 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 200.000.000 đồng của bà Trần Thị P và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, bà P nhiều lần liên lạc thúc dục nhưng không được nên đòi lại tiền, T đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng, T không có khả năng trả.

Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy lập ngày 22/4/2016 và ngày 22/5/2016 nội dung giao nhận tiền giữa Lương Duy T và chị P. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 10: Tháng 5/2016, bà Nguyễn Thị Anh Đ, trú tại phường B L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T nói đang muốn tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà Đ vào làm Kế toán tại Trường THCS Đức N Đ, thành phố Đ, mức giá là 250.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 17/5/2016, bà Đ đã giao cho T số tiền 250.000.000 đồng. T hứa hẹn đầu năm học 2017 con của bà Đ sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền 250.000.000 đồng và sử dụng tiền vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết” ghi ngày 20/3/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 11: Tháng 6/2016, bà Nguyễn Thị Diệu L, trú tại phường Đ, thành phố Đ gọi điện cho Lương Duy T nói đã tốt nghiệp đại học nhưng chưa tìm được việc làm, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc cho bà L. T hẹn gặp trực tiếp bà L tại quán cà phê T ở phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình, T giới thiệu có vợ là Trưởng phòng Giáo dục thành phố Đ và có khả năng xin cho bà L vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình, dạy bộ môn tin học tại một trường bất kỳ trên địa bàn thành phố Đ, mức giá là 200.000.000 đồng. Tin là thật, bà L đã giao số tiền trên cho T và bộ hồ sơ xin việc làm, T hứa hẹn 03 tháng sau bà L có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T

không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Diệu L và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội.

- Lần thứ 12: Tháng 6/2016, ông Trần Thế M, trú tại xã Lộc N, thành phố Đ, Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T và nói rằng đang có nhu cầu tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông M vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tại tỉnh Quảng Bình và hẹn gặp ông M tại quán cà phê H ở phường H, (nay là phường Đ) thành phố Đ, tại đây, ông M đã đưa cho T 200.000.000 đồng. Đến tháng 9/2017, T tiếp tục gọi điện, yêu cầu ông M nộp thêm 20.000.000 đồng để làm bảo hiểm xã hội, chuyển chính thức cho con ông M, T hứa hẹn trong năm 2018 sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt của ông Trần Thế M 220.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy học sinh có tiêu đề “GIẤY BIÊN NHẬN TIỀN” lập ngày 03/8/2016; 01 tờ giấy học sinh có tiêu đề “GIẤY GIAO NHẬN TIỀN” lập ngày 14/9/2017. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 13: Tháng 7/2016, ông Đặng Văn V, trú tại xã Đức N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đến nhà Lương Duy T để nhờ T tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông V vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục, giảng dạy tại Trường THCS H, mức giá 440.000.000 đồng. Tin là thật, 03 ngày sau, ông V mang số tiền 200.000.000 đồng và hồ sơ xin việc làm mang tên Đặng Thị Lương Hải đến giao cho T tại quán cà phê H ở phường H (nay là phường ĐH), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, 03 ngày sau ông V tiếp tục mang 240.000.000 đồng giao cho T tại đoạn đường Nguyễn Hữu C thuộc phường Đ, thành phố Đ, T hứa hẹn sẽ xin được việc cho con ông V. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của ông Đặng Văn V tổng số tiền 440.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội, còn hồ sơ xin việc T đã làm mất. Đến năm 2018, biết T không có khả năng xin việc làm, ông V nhiều lần tìm để lấy lại tiền, T đã trả được 110.000.000 đồng, còn lại số tiền 330.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết” ghi ngày 29/1/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 14: Năm 2017, ông Nguyễn Đại S, trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, thông qua mối quan hệ xã hội biết đến Lương Duy T, ông S gọi điện thoại hỏi T về việc xin vào biên chế giáo viên Trường T học cơ sở tại thành phố Đ. Lương Duy T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được biên chế chính thức vào trong ngành giáo dục cho ông S với mức giá 160.000.000 đồng. Ông S đồng ý và đã đưa cho T 160.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng của ông Nguyễn Đại S. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết trả nợ” có chữ ký của Lương Duy T. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 15: Năm 2017, bà Phan Thị T N, trú tại phường Đồng S, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình biết bà Trần Thị S (vợ của T) là Trưởng phòng Giáo dục thành phố Đ nên N nhiều lần đến nhà của Lương Duy T để hỏi về việc chuyển biên chế chính thức vào ngành giáo dục, nhưng bà S từ chối. Đến tháng 4/2018, vì đang trong tình trạng nợ nần, cần tiền để trả nợ nên Lương Duy T đã liên hệ với bà N và đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho bà N chuyển biên chế chính thức vào ngành giáo dục, với mức giá là 150.000.000 đồng. Bà N

đồng ý và đã 03 lần đưa tiền cho T với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Để tạo lòng tin, Lương Duy T nhiều lần gọi điện và đưa cho bà N nhiều câu hỏi phục vụ cho thi tuyển và thông báo về thời gian thi, sử dụng sim rác gọi điện cho bà N tự xưng là người của Sở Nội vụ. Sau nhiều lần thấy T hứa hẹn nhưng không xin được việc làm, bà N đã tìm gặp để lấy lại tiền, Lương Duy T đã trả cho bà N 20.500.000 đồng, còn lại đang chiếm đoạt số tiền 129.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy biên nhận tiền ghi ngày 28/2/2018 có nội dung nhận tiền xin việc làm cho bà N; 01 giấy hẹn trả nợ lập ngày 28/12/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 16: Vào năm 2017, bà Phan Thị A, trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình biết đến Lương Duy T thông qua bà Võ Thị T, sinh năm 1961, trú tại phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình (là chị dâu của bà A), bà A gặp và nói với T rằng đang có nhu cầu tìm việc làm cho con, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà A vào làm tại Tổng Công ty xăng dầu miền T, mức giá 250.000.000 đồng. Tin là thật, bà A đã đưa tiền cho bà T 03 lần để bà T đưa cho T với tổng số tiền là 250.000.000 đồng và hồ sơ xin việc làm, T hứa hẹn 04 tháng sau con bà A sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của bà Phan Thị A và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội.

- Lần thứ 17: Tháng 2/2017, ông Nguyễn Văn T, trú tại xã T huyện Q gọi điện cho Lương Duy T hỏi về việc tìm việc làm cho con, Lương Duy T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông T vào làm tại Công ty T bị trường học thuộc Sở giáo dục tỉnh Quảng Bình với mức giá 200.000.000 đồng, hứa hẹn đến ngày 20 tháng 5 năm 2017 sẽ có quyết định đi làm. Tháng 4/2017, tại quán cà phê H thuộc phường ĐH (trước đây là phường H), thành phố Đ, ông T đã đưa hồ sơ xin việc và số tiền 200.000.000 đồng cho Lương Duy T. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông T nhiều lần liên lạc, thúc dục và đòi lại tiền, đến cuối năm 2018 Lương Duy T trả cho ông T 30.000.000 đồng, còn lại đang chiếm đoạt số tiền 170.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy nhận tiền, ghi ngày 27/4/2017. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 18: Tháng 5/2017, ông Trần Q N, trú tại xã Hiền N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngồi chơi cùng Lương Duy T tại quán cà phê H ở phường ĐH (trước đây là phường H), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, quá trình nói chuyện, ông N có nói rằng gia đình đang có nguyện vọng tìm việc làm cho con. Lương Duy T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con ông N vào làm việc ở bộ phận An ninh của Sân bay Đ, mức giá là 400.000.000 đồng. Tin là thật, ông N đã 02 lần giao cho T với tổng số tiền là 240.000.000 đồng và hồ sơ xin việc làm mang tên Trần Thị Thúy, T hứa hẹn 03 tháng sau con ông N có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 240.000.000 đồng của ông Trần Q N và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Giấy mượn tiền” ghi ngày 04/5/2017. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 19: Tháng 5/2017, ông Đ Văn T, trú tại thôn T Nghĩa 1, xã Nghĩa N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình nói với Lương Duy T vì điều kiện gia đình khó khăn nên có nguyện vọng chuyển công tác cho con đang giảng dạy tại xã S Trạch, huyện B vào công tác tại thành phố Đ. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin chuyển được công tác cho con ông T với mức giá là 150.000.000 đồng. Ông T tin là thật và đã giao cho T 02 lần với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, vì là hàng xóm, nên quá trình giao nhận tiền, ông T và T không viết giấy tờ giao nhận, T hứa hẹn một tháng sau sẽ có quyết định chuyển công tác. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của ông Đ Văn T và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông T nhiều lần thúc dục không được nên đòi lại tiền, gia đình T đã trả được 30.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng.

- Lần thứ 20: Khoảng tháng 6/2017, bà Nguyễn Thị N, trú tại xã Vạn N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình liên lạc với Lương Duy T, nói rằng gia đình đang có nguyện vọng tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà N vào làm tại Khách sạn 30/4 của Quân đội trên địa bàn thành phố Đ, mức giá 150.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 09/6/2017, bà N đã trực tiếp đưa cho T số tiền 150.000.000 đồng, T hứa hẹn một tháng sau con bà N có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ cá nhân ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, bà N nhiều lần liên lạc, tìm T để lấy lại tiền, T đã trả lại được 4.500.000 đồng, còn lại 145.500.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Giấy nhận tiền” ghi ngày 09/6/2017. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 21: Tháng 6/2017, ông Nguyễn C T1, trú tại xã V, huyện TH, tỉnh Quảng Bình gặp Lương Duy T tại thành phố Đ, vì là người cùng quê nên cùng ngồi uống nước và trò chuyện, ông T1 nói có con học Đại học Sư phạm ra trường nhưng chưa có việc làm, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con ông T1 vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục, giảng dạy tại Trường THCS T Đức, thành phố Đ với mức giá là 250.000.000 đồng, T hứa hẹn cuối tháng 6/2017 con ông T1 có quyết định đi làm. Tin là thật, ngày 11/6/2017, ông T1 đã đưa cho T 250.000.000 đồng và hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Việt Hằng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 250.000.000 đồng của ông Nguyễn C T1 và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông T1 nhiều lần liên lạc thúc dục nhưng T không xin được nên đòi lại tiền và được T trả 210.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4 ghi ngày 30/11/2018 có nội dung Lương Duy T nhận số tiền 250.000.000 đồng, trả 100.000.000 đồng hẹn ngày 07/12/2018 sẽ hoàn trả số tiền trên. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 22: Vào tháng 7/2017, ông Phạm Văn H, trú tại thôn B, xã Quảng Hợp, huyện T, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T nói rằng hiện con của ông H đang giảng dạy tại tỉnh Kon Tum, mong muốn xin chuyển công tác về tại tỉnh Quảng Bình. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin chuyển công tác được cho con của ông H, mức giá là 250.000.000 đồng. Anh H đồng ý và ngày 30/7/2017 tại quán cà phê Thạch Thảo ở thành phố Đ, tỉnh Quảng

Bình, ông H đã giao cho T số tiền 250.000.000 đồng, T hứa hẹn 15 ngày sau sẽ có quyết định. Đến tháng 8/2017, T tiếp tục yêu cầu ông H nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng để làm bảo hiểm để chuyển chính thức. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt của ông Phạm Văn H tổng số tiền 270.000.000 đồng, T sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy biên nhận” ghi ngày 30/4/2017. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 23: Vào tháng 8/2017, bà Lê Thị Kim T, trú tại xã X N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T, nói rằng đang có nhu cầu tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà T vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình, giảng dạy tại Trường THCS B L, mức giá là 200.000.000 đồng. Tin là thật, bà T đã 02 lần đưa tiền cho T với tổng số tiền 200.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn P Thúy. T hứa hẹn đến tháng 10/2017 con bà T có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của bà Lê Thị Kim T số tiền 200.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ cá nhân ngoài xã hội, còn hồ sơ xin việc T đã làm mất. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy mượn tiền” ghi ngày 31/8/2017; 01 tờ giấy A4 có tiêu đề Giấy hẹn trả tiền, lập ngày 11/3/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 24: Tháng 8/2017, dựa vào mối quan hệ bạn bè từ trước, Lương Duy T đã gọi điện cho ông Nguyễn Văn B, trú tại tỉnh Quảng Bình đưa ra thông tin rằng hiện nay một Trường tiểu học ở thành phố Đ đang thiếu một suất giáo viên, mức chi phí xin vào là 210.000.000 đồng và cần nhờ ông B tìm giúp. Ông B đã nói lại thông tin trên với ông H Đại T2, cán bộ Phòng Giáo dục thị xã B, vài ngày sau có Dương Văn T1 theo sự giới thiệu của ông T2 đã tìm đến gặp ông B nhờ ông B xin việc cho em vợ của T1 là Trương Đình S, B nói lại toàn bộ thông tin mà T đưa ra cho T1. Ngày 11/8/2017, T1 đưa cho ông B 210.000.000 đồng cùng bộ hồ sơ xin việc làm mang tên Trương Đình S. Sau đó, Nguyễn Văn B đã mang toàn bộ số tiền trên cùng bộ hồ sơ đưa cho Lương Duy T, T hứa hẹn 02 tháng sau có quyết định đi làm. Đến hẹn, không thấy có quyết định, vì bị T1 thúc ép, ông B nhiều lần gọi điện hỏi T được T tiếp tục hứa hẹn, sau đó, ông B đã cho T1 số điện thoại của Lương Duy T để T1 trực tiếp liên hệ trao đổi xin việc làm.

- Lần thứ 25: Đến tháng 9/2017, Dương Văn T1 tiếp tục vào gặp Lương Duy T để nhờ xin vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình cho Đình Thị Q, sinh năm 1992, trú tại huyện M, tỉnh Quảng Bình, T đồng ý và nhận của Dương Văn T1 số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt tổng số tiền 280.000.000 đồng của Dương Văn T1 đưa để nhờ xin việc cho Trương Đình S và Đình Thị Q. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy bên trong có nội dung T nhận của T1 70.000.000 đồng, lập ngày 06/11/2017; 01 tờ giấy bên trong có nội dung ghi Lương Duy T nhận tổng tiền của T1 số tiền 280.000.000 đồng, lập ngày 20/12/2019; 01 tờ giấy nhận tiền lập ngày 11/8/2017 nội dung Nguyễn Văn B nhận của Dương văn T1 số tiền 210.000.000 đồng. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 26: Tháng 9/2017, ông Nguyễn Văn K, trú tại xã Vạn N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thông qua tìm hiểu biết Lương Duy T đang là cán bộ Tỉnh ủy

Quảng Bình, có vợ là Trưởng phòng Giáo dục thành phố Đ, nên ông K gọi điện cho Lương Duy T hỏi về việc muốn tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông K vào làm giáo viên dạy bộ môn Toán tại Trường T học cơ sở Hải T, với mức giá là 220.000.000 đồng. Ông K đồng ý và đưa cho T hai lần với tổng số tiền 220.000.000 đồng, T hứa hẹn đến tháng 11/2017 con ông K có quyết định đi làm. Đến hẹn, không thấy có quyết định, ông K nhiều lần thúc dục nhưng T vẫn tiếp tục hứa hẹn. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn K số tiền 220.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy mượn tiền để xin việc ghi ngày 28/9/2017; 01 giấy hẹn trả nợ ghi ngày 11/3/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 27: Khoảng tháng 9/2017, bà Lê Thị H X, trú tại xã S T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, thông qua các mối quan hệ, gọi điện cho Lương Duy T nói rằng đang có nhu cầu tìm việc làm cho con, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà X vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tại tỉnh Quảng Bình, mức giá là 210.000.000 đồng. Đầu tháng 10/2017, bà X mang số tiền trên đến giao trực tiếp cho T tại quán cà phê H ở phường ĐH (trước đây là phường H), thành phố Đ, T hứa hẹn đến ngày 20/11/2017 con bà X sẽ có quyết định vào dạy chính thức tại một Trường THCS trên địa bàn thành phố Đ. Tuy nhiên, T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 210.000.000 đồng của bà X và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, không thấy có quyết định, bà X nhiều lần tìm Lương Duy T để lấy lại tiền và T đã trả được 25.000.000 đồng, còn đang chiếm đoạt số tiền 185.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy mượn tiền” ghi ngày 02/10/2017; 01 tờ giấy có tiêu đề Giấy cam kết trả tiền, lập ngày 20/3/2019; 02 tờ giấy A4 có tiêu đề “Giấy hẹn trả tiền” ghi ngày 23/2/2018 và 14/3/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 28: Tháng 10/2017, ông Nguyễn Văn C, trú tại xã X N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T để nhờ tìm việc làm cho con của ông C, T đồng ý và tự giới thiệu hiện đang công tác tại Tỉnh ủy Quảng Bình, có người thân làm việc tại T tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đ, sau đó T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con của ông C vào làm tại T tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đ với giá là 220.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 12/10/2017, ông C cùng con gái là Nguyễn Thị Song C đến gặp và giao số tiền 220.000.000 đồng cho T, T hứa hẹn đến tháng 12/2017 sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 220.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn C và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông C nhiều lần liên lạc thúc dục T nhưng không được nên đòi lại tiền và T đã trả cho ông C 60.000.000 đồng, còn lại 160.000.000 đồng T không có khả năng trả. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4 có tiêu đề giấy nhận tiền, ghi ngày 12/10/2017. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 29: Tháng 12/2017, ông Lê Minh H, trú tại thành phố Hà Nội, thông qua các mối quan hệ xã hội, biết Lương Duy T là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình, ông H gọi điện cho T hỏi về việc tìm việc làm cho cháu của ông H. Lương Duy T đã đưa ra thông tin về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho cháu

của ông H vào làm tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, mức giá là 280.000.000 đồng. Tin là thật, từ ngày 29/12/2017 đến ngày 03/01/2018, ông H đã đưa cho T 230.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc làm mang tên Nguyễn Thị T. Tháng 02/2018, ông Lê M tiếp tục liên hệ nhờ Lương Duy T xin việc cho cháu H Viết Long và Phạm Văn Quốc, T đồng ý và nói có thể xin được cho Long vào làm tại sân bay Đ, mức giá 320.000.000 đồng và Quốc vào làm bộ phận An ninh tại Sân bay Đ, mức giá 280.000.000 đồng. Tin là thật, ông H đã 02 lần chuyển vào tài khoản 53110000103635 của Lương Duy T số tiền 270.000.000 đồng và 200.000.000 đồng. Sau đó một thời gian, ông H tiếp tục liên lạc nhờ T xin việc làm cho cháu H Thị T, T đồng ý và nói có khả năng xin được cho cháu T vào làm chính thức tại T tâm Cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình, mức giá là 260.000.000 đồng. T2 ngày 13/2/2018 đến ngày 19/3/2018, ông H đã chuyển vào tài khoản số 53110000103635 của Lương Duy T, tổng số tiền 160.000.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục yêu cầu ông H đưa thêm 60.000.000 đồng tiền chi phí học nghiệp vụ an ninh sân bay và ông H đã chuyển cho T số tiền trên. T hứa hẹn đến tháng 6/2018 những người được ông H nhờ sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt tổng số tiền 920.000.000 đồng của các cháu ông Lê M đưa cho ông H rồi ông H đưa cho T nhờ T xin việc và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy ghi ngày 29/12/2017; 01 tờ giấy ghi ngày 10/2/2018; 04 giấy ỦY NHIỆM CHI của ngân hàng B ghi ngày 03/01/2018, 09/02/2018/, 14/3/2018 và 27/3/2018 có nội dung LE MINH H chuyển tiền vào tài khoản 53110000103635 của LUONG DUY TUYEN; 01 tờ A4 có tiêu đề “BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NHẬN TIỀN” ghi ngày 06/11/2018; 04 tờ giấy ghi các ngày 24/01/2019; 31/01/2019; 04/4/2019; 02/5/2019 có nội dung Lương Duy T hẹn trả nợ.

- Lần thứ 30: Khoảng tháng 12/2017, ông Lê Quốc C, trú tại xã X N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T hỏi về việc tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân khả năng xin được cho con của ông C vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình, mức giá là 150.000.000 đồng. Ngày 31/12/2017, ông C mang số tiền trên cùng hồ sơ xin việc làm của con ông C đến giao trực tiếp cho T tại đoạn đường phía sau Siêu thị Co.op Mart, thuộc phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình, T hứa hẹn đầu năm 2018, con ông C có quyết định đi làm. Ngày 25/4/2018, T yêu cầu ông C đưa thêm 10.000.000 đồng để lo xét tuyển, ông C đồng ý giao cho T số tiền trên; Tháng 9/2018, T tiếp tục và yêu cầu ông C đưa thêm 15.000.000 đồng để lo xét tuyển tại huyện B, ông C đã đưa cho T số tiền trên. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện việc xin việc làm mà chiếm đoạt của ông Lê Quốc C tổng số tiền 175.000.000 đồng.

- Lần thứ 31: Vào tháng 12/2017, ông Cao Tiến H, trú tại xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T nói rằng đang có nguyện vọng xin việc làm cho con của ông H. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con của ông H vào làm trong ngành y của Công an tỉnh Quảng Bình, mức giá 340.000.000 đồng. Tin là thật, ông H đã 02 lần đưa tiền cho T, cụ thể: Tháng 01/2018, đưa số tiền 200.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Cao Tiến D tại đoạn đường sau Siêu thị Co.op mart, thuộc phường Đ, TP. Đ; ngày hôm sau, ông H đưa tiếp cho T số tiền 140.000.000 đồng, T hứa hẹn 01 năm sau con ông H có quyết định đi làm. Đến tháng 12/2018, để tạo thêm lòng tin, Lương Duy T thông báo con ông H sắp được tuyển dụng đi học nghiệp vụ Công an và yêu cầu ông H đưa thêm 20.000.000 đồng để làm chi phí. Ông H đã giao cho T

15.000.000 đồng, T hứa hẹn đến ngày 20/12/2018 con ông H có quyết định đi học. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của ông Cao Tiến H tổng số tiền 355.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ cá nhân ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy giao tiền” ghi ngày 03/2/2018; 01 tờ giấy có nội dung “Hẹn trả tiền”, lập ngày 20/1/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 32: Tháng 12/2017, Lương Duy T biết bà H Thị H, trú tại xã Lương N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đang có nhu cầu chuyển biên chế chính thức vào ngành giáo dục cho cháu H Thùy N, Lương Duy T gọi điện cho bà H và đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin chuyển được biên chế chính thức vào dạy bộ môn Địa L tại một Trường bất kỳ ở thành phố Đ cho cháu của bà H, mức giá 200.000.000 đồng, Tin là thật, ngày 28/12/2017, bà H đưa cho T 100.000.000 đồng, cộng thêm 50.000.000 đồng trước đó T nợ của bà H. T hứa hẹn một tháng sau, cháu bà H sẽ có quyết định chuyển biên chế chính thức. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền của 150.000.000 đồng của bà H Thị H và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Giấy cho vay tiền” ghi ngày 28/12/2017. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 33: Năm 2018, bà Lê Thị Mộng T, trú tại xã H T, huyện L, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T để hỏi về việc có thể giúp xét chuyển đặc cách vào biên chế giáo viên Mầm non, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được đặc cách chuyển biên chế chính thức vào ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình cho bà T, mức giá là 160.000.000 đồng, tin là thật, bà T đã đưa cho T 100.000.000 đồng, còn 60.000.000 đồng sẽ đưa tiếp sau khi được xét duyệt, T hứa hẹn đến ngày 20/8/2018 sẽ có quyết định. Tuy nhiên, bà T không được tham gia thi xét tuyển, bà T đã nhiều lần gọi điện gặp T để lấy lại tiền nhưng T không trả. Số tiền Lương Duy T chiếm đoạt của bà T là 100.000.000 đồng, T sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy mượn tiền” lập ngày 26/7/2018; 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy hẹn trả tiền” có chữ ký của Lương Duy T, 25/1/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 34: Tháng 01/2018, bà H Thị N, trú tại phường Đồng S, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình liên lạc với Lương Duy T nói rằng con của bà N đã ra trường được 02 năm nhưng không có việc làm, gia đình đang mong muốn tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng xin được việc làm cho con bà N vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Bình, mức giá là 220.000.000 đồng. Vì biết T hiện đang là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình, nên bà N tin là thật và từ ngày 03/01/2018 đến ngày 07/01/2018 đã 03 lần giao tiền cho T với tổng số tiền 220.000.000 đồng. T hứa hẹn một tháng sau sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 220.000.000 đồng của bà N và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy kích thước (20x16)cm, bên trong có nội dung ngày 05/1/2018 Lương Duy T nhận 100.000.000 đồng; 01 tờ giấy A4 có mục đề “GIẤY NHẬN TIỀN” lập ngày 03/1/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 35: Tháng 2/2018, ông Cao X H, trú tại xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T nói rằng đang có nhu cầu tìm việc làm cho

con sau khi ra trường, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con ông H vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục, giảng dạy tại Trường Mầm non Đồng S, mức giá là 300.000.000 đồng, T hứa hẹn sau khi con ông H ra trường sẽ có quyết định. Tin là thật, các ngày 20 và 23 tháng 02/2018, ông H đã đưa cho T 02 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, vì tin tưởng nên không viết giấy giao nhận tiền. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 300.000.000 đồng của ông Cao X H và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội.

- Lần thứ 36: Tháng 2/2018, ông Trần Văn K, trú tại xã Gia N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, thông qua các mối quan hệ đã liên lạc cho Lương Duy T nói rằng đang có nhu cầu tìm việc làm cho con, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng xin được cho con ông K vào làm tại bộ phận An ninh Sân bay Đ, mức giá là 300.000.000 đồng, T hứa hẹn 5 tháng sau con ông K sẽ có quyết định đi làm. Tin là thật, ngày 06/3/2018, ông K đã đưa cho T 300.000.000 đồng tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Khoảng 1 tuần sau, T tiếp tục yêu cầu ông K đưa thêm 30.000.000 đồng tiền đảm bảo và chi phí, ông K đã đưa số tiền trên cho T. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 330.000.000 đồng của ông Trần Văn K và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “giấy giao nhận tiền” ghi ngày 06/3/2018 và ngày 23/3/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 37: Vào tháng 3/2018, ông Trần Bá P, trú tại xã M H, huyện TH, Quảng Bình, qua mối quan hệ bạn bè giới thiệu biết Lương Duy T có khả năng xin được việc làm, ông P gọi điện thoại cho T hỏi về vấn đề xin việc làm cho con của ông P. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con anh P vào dạy chính thức ở một Trường học bất kỳ trên địa bàn thành phố Đ, mức giá là 235.000.000 đồng. Ngày 29/3/2018, ông P đến gặp Lương Duy T tại đoạn đường phía sau siêu thị Co.opmart, thuộc phường Đ, thành phố Đ và đưa cho T số tiền 235.000.000 đồng, T hứa hẹn đầu năm học 2018 con ông P sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của ông Trần Bá P số tiền 235.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ cá nhân ngoài xã hội. Đến tháng 01/2019, thấy không có quyết định đi làm, biết T không có khả năng xin việc làm nên ông P nhiều lần tìm T để lấy lại tiền, Lương Duy T đã trả 60.000.000 đồng, còn lại 175.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy học sinh, kẻ ô li, kích thước một mặt là (25x18)cm bên trong tiêu đề “Giấy hẹn trả nợ” đề ngày 10/02/2019; 01 tờ giấy học sinh, kẻ ô li, kích thước một mặt là (12x10)cm bên trong có tiêu đề “Giấy xác nhận” đề ngày 18/01/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 38: Tháng 3/2018, bà Phạm Thị An T, trú tại xã Duy N, huyện Q, Quảng Bình gọi điện thoại cho Lương Duy T để nhờ xin việc làm cho con bà T, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà T vào làm Kế toán Trường học, mức giá là 180.000.000 đồng. Biết Lương Duy T là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình, vợ làm Trưởng phòng giáo dục thành phố Đ nên bà T tin tưởng và giao cho T số tiền 180.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc, T hứa hẹn một tháng sau, con bà T sẽ được đi làm. Khoảng một tháng sau, T tiếp tục yêu cầu bà T đưa thêm 30.000.000 đồng tiền chi phí thi, bà T đã tin và giao tiếp 30.000.000 đồng cho T. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt

số tiền 210.000.000 đồng của bà T. Vật chứng thu giữ: 01 giấy nhận tiền ghi ngày 06/03/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 39: Vào tháng 4/2018, ông Nguyễn Văn B, trú tại xã Duy N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thông qua anh họ là Trần Văn T, gọi điện thoại cho T hỏi về vấn đề xin việc làm cho con ông B. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông B vào làm tại Cảng hàng không Đ với mức giá là 320.000.000 đồng và hứa hẹn tháng 9/2018 sẽ có quyết định đi làm, ông B đồng ý và đã giao cho T đủ số tiền 320.000.000 đồng. Đến hẹn, không thấy có quyết định đi làm, ông B nhiều lần gọi điện và gặp T để lấy lại tiền nhưng không được. Số tiền Lương Duy T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông B là 320.000.000 đồng, T sử dụng trả nợ cá nhân ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết trả nợ” ngày 23/01/2019; 01 Giấy nhận tiền đứng tên Lương Duy T, cán bộ tổ chức Tỉnh ủy Quảng Bình, lập ngày 25/4/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 40: Tháng 4/2018, vì đang trong tình trạng nợ nần nhiều, bị các đối tượng ngoài xã hội thúc ép, T đã gọi điện cho ông Phan Văn C (là bạn học cấp 3 với T) nói rằng hiện T đang có suất vào làm tại Sân bay Đ, nếu ông C có con, cháu nào cần thì liên hệ cho T. Vài ngày sau, ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1986, trú tại xã Đức N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là con rể ông C, liên hệ cho Lương Duy T nói rằng đang có nhu cầu tìm việc làm. Lương Duy T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho ông H vào làm bộ phận an ninh ở Cảng hàng không Đ, mức giá là 300.000.000 đồng. Ông H tin là thật nên đã giao cho T hai lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, T hứa hẹn đến ngày 20/6/2018, ông H có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn H và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, không thấy có quyết định, ông H nhiều lần đòi lại tiền và T đã trả 115.000.000 đồng, còn lại 185.000.000 đồng, T không có khả năng trả. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết trả tiền” ghi ngày 01/12/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 41: Tháng 5/2018, ông Trần Văn C, trú tại tỉnh Nghệ An, thông qua các mối quan hệ xã hội đã gặp Lương Duy T để nhờ tìm việc làm cho cháu ông C tên Trần Thị N M. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho cháu M vào làm tại Sân bay Đ, mức giá 450.000.000 đồng, đưa trước 300.000.000 đồng, số còn lại sẽ tiếp tục đưa sau khi có quyết định đi làm. Tin là thật, ngày 19/5/2018, ông C đã trực tiếp đưa số tiền 300.000.000 đồng cho T, T hứa hẹn đến tháng 7/2018 cháu M có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 300.000.000 đồng của ông Trần Văn C và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông C nhiều lần liên lạc thúc dục T nhưng không được nên đòi lại tiền và T đã trả cho ông C 200.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng, T không có khả năng trả. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề giấy nhận tiền, ghi ngày 19/5/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 42: Vào tháng 5/2018, ông Nguyễn P, trú tại xã Lộc N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T hỏi về việc xin chuyển công tác cho con của ông P đang giảng dạy tại huyện L về giảng dạy tại thành phố Đ. T đã đưa ra

thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng chuyển được công tác cho con ông P với mức giá là 200.000.000 đồng. Ngày 21/5/2018, ông P mang số tiền 200.000.000 đồng, đến giao cho T tại đoạn đường gần quán cà phê H, thuộc phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. T hứa hẹn đến tháng 9/2018 con ông P được chuyển công tác về giảng dạy tại thành phố Đ. Tuy nhiên, T không thực hiện mà chiếm đoạt và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy nhận tiền” ghi ngày 21/5/2018 và 01 tờ giấy có tiêu đề Giấy cam kết, lập ngày 11/2/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 43: Tháng 5/2018, ông Nguyễn Trường P, trú tại xã Lương N, huyện Q, tỉnh Quảng B gọi điện cho Lương Duy T hỏi về việc tìm việc làm cho con, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông P vào làm tại Cảng hàng không Đ. Để tạo lòng tin, T đưa ra các thông tin như sân bay Đ đang cần tuyển thêm người làm tại bộ phận an ninh soi chiếu, mức lương khởi điểm là 10.000.000 đồng/tháng, T có người thân làm việc tại Cục hàng không nên có khả năng xin được, mức giá là 250.000.000 đồng. Vì biết T hiện đang là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình nên ông P tin tưởng và giao tiền cho T ba lần với tổng số tiền là 250.000.000 đồng, T hứa hẹn đến tháng 6/2018 sẽ có quyết định đi làm. Đến ngày 30/10/2018, T gọi điện cho ông P thông báo con ông P còn thiếu học bạ cấp 3 và phải nộp thêm 30.000.000 đồng lệ phí tập huấn, ông P tiếp tục đưa 30.000.000 đồng cho T. Khi lấy được tiền, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 280.000.000 đồng của ông Nguyễn Trường P và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy mượn tiền ghi ngày 16/5/2018, 01 giấy mượn tiền đề ngày 30/10/2017, 01 giấy hẹn trả nợ đề ngày 05/3/2019 và 01 giấy hẹn trả nợ đề ngày 18/3/2019 (Âm lịch). Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 44: Tháng 5/2018, ông Hồ Quảng Đ, trú tại xã Tiến H, huyện TH, tỉnh Quảng Bình liên lạc cho Lương Duy T nói rằng đang có nguyện vọng tìm việc làm cho con và nhờ T tìm giúp. Lúc này, T đang trong tình trạng nợ nần, nên T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông Đ vào làm việc ở bộ phận an ninh ở Sân bay Đ, với số tiền 300.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 08/5/2018, ông Đ mang số tiền 270.000.000 đồng đến giao cho T tại quán cà phê Coco ở phường Đ, thành phố Đ. T hứa hẹn 20 ngày sau con ông Đ có quyết định đi tập huấn tại thành phố Đà Nẵng, 6 tháng sau có quyết định về làm tại Sân bay Đ. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền 270.000.000 đồng của ông Đ và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông Đ nhiều lần đòi lại tiền và T đã trả được 200.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy mượn tiền” ghi ngày 08/5/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 45: Tháng 5/2018, ông Phan X N, trú tại xã Lộc N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình gặp Lương Duy T tại nhà của ông Nguyễn P ở thôn 7, xã Lộc N, thành phố Đ nói rằng đang có nguyện vọng tìm việc làm cho con, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con ông N vào làm việc ở bộ phận an ninh tại Sân bay Đ với mức giá 350.000.000 đồng, T hứa hẹn trong tháng 5/2018 sẽ có thông báo đi làm. Tin là thật, từ ngày 23/5/2018 đến ngày 26/5/2018, ông N đã đưa cho T số tiền 350.000.000 đồng. Đến tháng 10/2018, T

tiếp tục yêu cầu ông N nộp bản pho to học bạ cấp 3 và số tiền 30.000.000 đồng làm chi phí, ông N đã đưa cho T số tiền trên. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 380.000.000 đồng của ông Phan X N và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề giấy mượn tiền, ghi ngày 23/5/2018 và ngày 29/10/2018 có chữ ký ghi tên Lương Duy T; 01 giấy hẹn trả nợ ghi ngày 15/3/2019 (âm lịch) có chữ ký ghi tên Lương Duy T. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 46: Tháng 5/2018, Lương Duy T đến quán của ông Đinh Gia B, trú tại Tổ dân phố 3, phường Đồng S, thành phố Đ, Quảng Bình mua đồ, quá trình nói chuyện, ông B nói gia đình đang có nhu cầu tìm việc làm cho con. Lương Duy T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông B vào làm việc tại Sân bay Đ với số tiền 350.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 23/5/2018, ông B mang số tiền 50.000.000 đồng và hồ sơ xin việc mang tên Đinh Thị B N giao cho T tại đoạn đường phía sau Siêu thị Co.op Mart. Ngày 24/5/2018 ông B tiếp tục đưa cho T 300.000.000 đồng tại nhà ở của ông B, T hứa hẹn một tuần sau con ông B có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của ông B và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, không thấy có quyết định, ông B nhiều lần liên lạc, đòi lại tiền và T đã trả lại 135.000.000 đồng, còn lại 215.000.000 đồng, T không có khả năng trả. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy mượn tiền” ghi ngày 24/5/2018; 01 tờ giấy ghi ngày 24/10/2018 có nội dung hẹn đến ngày 18/11/2018 có quyết định đi làm; 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết” ghi ngày 07/12/2018; 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Giấy hẹn trả nợ” có chữ ký Lương Duy T. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 47: Tháng 6/2018, Lương Duy T đến quán tạp hóa của bà Trần Thị T, trú tại phường Đồng S, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và biết gia đình bà T đang có nhu cầu tìm việc làm cho con trai. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà T một suất vào làm an ninh tại Cảng hàng không Đ, mức giá là 350.000.000 đồng. Tưởng thật, bà T cùng chồng là ông Trương Minh N đã giao cho T số tiền 350.000.000 đồng, T hứa hẹn đến ngày 20/10/2018 con ông N sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của gia đình bà T số tiền 350.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, không thấy có quyết định đi làm, gia đình ông Trương Minh N nhiều lần gọi điện gặp T để lấy lại tiền, T đã trả 70.000.000 đồng, số tiền còn lại là 280.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy nhận tiền” lập ngày 19/7/2018; 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy hẹn trả nợ” có chữ ký của Lương Duy T, lập ngày 11/1/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 48: Khoảng tháng 6/2018, ông H Hải N, trú tại xã C H, huyện T, tỉnh Quảng Bình, gọi điện cho Lương Duy T hỏi về việc muốn tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con ông N vào làm việc ở bộ phận an ninh tại Cảng hàng không Đ, mức giá là 350.000.000 đồng. Ông N đã tin tưởng và giao số tiền 350.000.000 đồng cho T, T hứa hẹn đến ngày 30/12/2018 con ông Nam có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của ông H Hải N số tiền 350.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 giấy nhận tiền

lập ngày 21/6/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Quảng Bình chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 49: Khoảng tháng 6/2018, bà Ngô Thị H, trú tại xã Lộc N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, thông qua ông Nguyễn P, bà H biết và liên hệ với Lương Duy T để nhờ xin việc làm cho con. Vì đang trong tình trạng nợ nần nên Lương Duy T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con của bà H vào làm tại Sân bay Đ, mức giá là 300.000.000 đồng. Bà H tin là thật nên đã đưa cho T số tiền 300.000.000 đồng và hồ sơ xin việc. Ngày 04/6/2018, T yêu cầu bà H đưa thêm 50.000.000 đồng tiền chi phí đi học nghiệp vụ tại T phố Hồ Chí Minh và hứa hẹn trong tháng 6/2018 sẽ có quyết định đi học, bà H đã giao 50.000.000 đồng cho T. Đến tháng 10/2018, T tiếp tục yêu cầu bà H đưa thêm 30.000.000 đồng làm chi phí nhập học, bà H đã đưa cho T 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt của bà Ngô Thị H 380.000.000 đồng và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề giấy biên nhận tiền, ghi ngày 02/6/2018, 01 tờ giấy giấy nhận tiền ghi ngày 05/6/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 50: Khoảng tháng 6/2018, ông Lê Anh T, trú tại xã T, huyện B, thông qua bà Lê Thị T, sinh năm 1975, trú tại phường Nam L, thành phố Đ, Quảng Bình tìm đến Lương Duy T để hỏi về việc xin việc làm. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho ông T vào làm tại bộ phận An ninh soi chiếu của Cảng hàng không Đ, mức lương khởi điểm là 15.000.000 đồng/tháng, mức giá là 400.000.000 đồng, trong đó 350.000.000 đồng tiền chi phí xin, còn 50.000.000 đồng tiền cọc. Vì biết Lương Duy T là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình nên ông T đã tin tưởng và giao cho T số tiền 400.000.000 đồng, sau khi nhận tiền T hứa hẹn tháng 10/2018, ông T sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của ông Lê Anh T và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội.

Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy nhận tiền ghi ngày 30/8/2018, 01 giấy mượn tiền, lập ngày 31/12/2018, 01 giấy cam kết trả nợ lập ngày 17/4/2019. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 51: Tháng 7/2018, Lương Duy T đến quán cầm đồ của bà Đỗ Thị X L, trú tại phường Đồng S, thành phố Đ để vay tiền, tại đây, T nói với bà L nếu có ai cần xin việc làm thì liên hệ với T, T là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình nên có khả năng xin được. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, trú tại Thị trấn N, huyện B, sau khi nghe thông tin trên đã gọi điện thoại cho Lương Duy T để xin việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà T vào giảng dạy tại Trường T cấp chính trị, với mức giá là 170.000.000 đồng. Bà T đồng ý và đã đưa cho T số tiền 170.000.000 đồng cùng một bộ hồ sơ xin việc, T hứa hẹn một tháng sau sẽ có quyết định đi làm. Đến tháng 10/2018, T tiếp tục gọi điện cho bà T yêu cầu nộp thêm 50.000.000 đồng tiền chi phí, bà T đã đưa cho T số tiền trên. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt số tiền 220.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T và mang đi trả nợ cá nhân. Sau khi biết Lương Duy T không có khả năng xin việc làm, bà T nhiều lần tìm T để lấy lại tiền và T đã trả cho bà Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng, còn lại đang chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy nhận tiền để

xin việc ghi ngày 28/7/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 52: Khoảng tháng 7/2018, ông Đỗ Q T, trú tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T nói về chuyện xin việc làm, vì đang trong tình trạng nợ nần nên Lương Duy T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có quen biết với nhiều lãnh đạo cấp tỉnh, lãnh đạo ngành hàng không... nên có thể xin được cho ông T vào làm tại bộ phận An ninh Cảng hàng không Đ, mức giá là 350.000.000 đồng. Ông T tin tưởng nên hai lần đưa tiền giao cho T với tổng là 350.000.000 đồng, T hứa hẹn đến ngày 20/9/2018, ông T sẽ có quyết định đi làm. Sau khi chiếm đoạt của ông Đỗ Q T 350.000.000 đồng, Lương Duy tuyền đã mang đi trả nợ cá nhân. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông T nhiều lần gặp T đòi lại tiền và T đã trả lại 50.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy cam kết, ghi ngày 02/12/2018, 01 giấy mượn tiền, lập ngày 03/8/2018, 01 giấy cam kết trả nợ lập ngày 05/01/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 53: Tháng 7/2018, bà Lê Thị Kim H, trú tại xã Cam T, huyện L, tỉnh Quảng Bình đến nhà của Lương Duy T, bà H bày tỏ nguyện vọng cần tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con bà H một suất vào làm việc tại bộ phận thu ngân của Cục T hành án dân sự tỉnh Quảng Bình với số tiền 250.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 04/8/2018 bà H mang số tiền 150.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc làm đến giao cho T tại quán cà phê H, thuộc phường ĐH (trước đây là phường H), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, T hứa hẹn một tháng sau sẽ có quyết định đi làm. Một tuần sau, T yêu cầu bà H đưa tiếp số tiền 50.000.000 đồng làm chi phí xin việc, bà H đã giao cho T số tiền trên. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của bà Lê Thị Kim H và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy nhận tiền” ghi ngày 04/8/2018; 01 tờ giấy có tiêu đề giấy mượn tiền, lập ngày 30/01/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 54: Vào tháng 8/2018, ông Trần Quốc T, trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình gọi điện thoại cho Lương Duy T hỏi về việc xin việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông T vào làm tại Cảng hàng không Đ, để tạo lòng tin, T nói rằng suất xin vào Cảng hàng không Đ này là của người nhà, nên cần phải nhanh, mức giá là 350.000.000 đồng. Ông T tưởng thật nên đã giao số tiền 350.000.000 đồng cho T, T hứa hẹn đến ngày 30/12/2018 con ông T có quyết định đi làm. Tuy nhiên, T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của ông Trần Quốc T và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 giấy nhận tiền ghi ngày 10/8/2018 có chữ ký Lương Duy T, có nội dung xin việc vào Sân bay Đ. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 55: Tháng 8/2018, ông Nguyễn N V, trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình liên lạc cho Lương Duy T nói rằng đang có nguyện vọng xin chuyển công tác cho con từ tỉnh B Phước về công tác tại tỉnh Quảng Bình. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin chuyển được công tác cho con ông V với số tiền 200.000.000 đồng, để tạo lòng tin, T đưa ra thông tin có vợ làm

Trưởng phòng giáo dục thành phố Đ. Tin là thật, ông V đã đưa cho T 04 lần tiền với tổng là 235.000.000 đồng, T hứa hẹn hai tháng sau có quyết định chuyển. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền 235.000.000 đồng của ông Nguyễn N V và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy nhận tiền” ghi ngày 20/8/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 56: Vào tháng 9/2018, ông Trương Anh T, trú tại phường Đồng S, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, liên hệ với Lương Duy T hỏi về việc xin việc làm cho con của ông T, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con ông T vào làm việc tại Sân bay Đ, mức lương khởi điểm là 17.000.000 đồng/tháng, mức giá là 400.000.000 đồng. Cuối tháng 9/2018, Lương Duy T đến nhà ông T yêu cầu đưa thêm 30.000.000 đồng để làm chứng chỉ tiếng Anh. Tin là thật, ông T đã 3 lần đưa tiền cho T, với tổng số tiền là 430.000.000 đồng. Ngày 04/10/2018, T đến mượn ông T thêm 30.000.000 đồng để giải quyết việc cá nhân. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của ông Trương Anh T số tiền 430.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông T nhiều lần tìm T để lấy lại tiền, T đã trả lại 130.000.000 đồng (có số tiền mượn 30.000.000 đồng), còn lại 330.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề Giấy nhận tiền, ghi ngày 13/9/2018; 01 tờ giấy có tiêu đề Giấy mượn tiền lập ngày 04/10/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 57: Tháng 9/2018, ông Nguyễn Quốc N, trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình liên lạc với Lương Duy T nói rằng đang cần tìm việc làm cho người thân. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho người thân ông N. Tin là thật, ông N đã báo cho ông Võ Văn C, sinh năm 1988, trú tại xã An T, huyện L, tỉnh Quảng Bình biết, sau đó ông N và C hẹn gặp Lương Duy T tại quán cà phê AMADA ở phường Đ, thành phố Đ, tại đây, để tạo lòng tin cho ông C, T tự giới thiệu hiện đang Phó phòng ở Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Bình, có khả năng xin được cho ông C vào làm bộ phận An ninh tại Sân bay Đ với số tiền 350.000.000 đồng. Tin là thật, ông C đã 03 lần giao tiền cho T với tổng số tiền 250.000.000 đồng và hồ sơ xin việc làm. T hứa hẹn 20 ngày sau ông C sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của ông C và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 giấy nhận tiền, ghi ngày 28/9/2018; 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết” ghi ngày 21/11/2018; 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết” ghi ngày 20/12/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 58: Vào tháng 10/2018, ông Nguyễn Văn L và vợ là Phan Thị B T ở huyện B, tỉnh Quảng Bình thông qua ông Nguyễn X Tiêu ở xã Lộc N, thành phố Đ (anh rể) biết đến Lương Duy T, sau đó bà Phan Thị B T đã gọi điện thoại cho T nhờ xin việc làm cho con trai bà T. Lương Duy T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con bà T vào làm tại Cảng hàng không Đ, lương tháng 17.000.000 đồng, mức giá là 400.000.000 đồng. Tin là thật, Ông L và bà T đã đưa cho T 400.000.000 đồng, T hứa hẹn ngày 01/01/2019 có quyết định đi làm. Đến ngày 01/01/2019 không thấy có quyết định, gia đình ông L nhiều lần điện thoại và gặp T để lấy lại tiền nhưng T không có khả năng trả. Số tiền

Lương Duy T chiếm đoạt tài sản của ông L là 400.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy kẻ ngang, kích thước (18 x 10) cm, phía bên trái tờ giấy có nhiều lỗ hình vuông, bên trong có tiêu đề “Giấy nhận tiền” đề ngày 19/11/2018; 01 tờ giấy kẻ ngang, kích thước (18 x 10) cm, bên trong có tiêu đề “GIẤY NHẬN TIỀN” đề ngày 19/11/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 59: Ngày 22/10/2018, Lương Duy T có mối quan hệ từ trước với ông Phạm T ở thành phố Đ, nên T gọi điện thoại cho ông T thông báo có quen biết với lãnh đạo Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam, hiện đang có suất vào làm an ninh tại Cảng hàng không Đ với số tiền để xin vào là 370.000.000 đồng, mức lương 17.000.000 đồng/tháng và có khả năng xin được cho con ông T. Tin là thật, ông T đã báo lại cho con rể là Lê Đình L, ngày 22/10/2018 ông Lê Đình L đã giao cho T số tiền 370.000.000 đồng, T hứa hẹn đến ngày 18/12/2018, ông L có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt của ông Lê Đình L số tiền 370.000.000 đồng, sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy nhận tiền” có chữ ký của Lương Duy T, lập ngày 24/10/2018; 01 tờ giấy nhận tội lập ngày 08/4/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 60: Tháng 10/2018, ông H Trọng T, trú tại xã Lộc N, thành phố Đ đang làm thợ đóng đá tại nhà Lương Duy T, vì đang trong tình trạng nợ nần, bị các đối tượng ngoài xã hội thúc ép nên T chủ động đến nói chuyện với ông T là đang có một suất vào làm tại Sân bay Đ, nếu ông T có người thân cần thì liên hệ. Vài ngày sau gia đình ông T liên lạc cho T nói rằng đang có nguyện vọng tìm việc làm cho cháu tên là Lê Viết B, T hứa hẹn sẽ xin được cho anh B vào làm tại Sân bay Đ với số tiền 350.000.000 đồng. Tin là thật, anh B và gia đình đã giao cho T 03 lần với tổng số tiền là 262.000.000 đồng, T hứa hẹn đến ngày 24/11/2018 anh B có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 262.000.000 đồng của Lê Viết B và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Giấy nhận tiền” ghi ngày 12/10/2018; 01 giấy nộp tiền của Ngân hàng A, chi nhánh C, ghi ngày 02/11/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 61: Vào tháng 10/2018, ông Nguyễn Quốc S, trú tại xã Thanh H, huyện TH, tỉnh Quảng Bình liên hệ với Lương Duy T, nói rằng có con vừa xuất ngũ, gia đình đang có nhu cầu tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con ông S vào làm việc tại bộ phận An ninh Sân bay Đ, mức giá 200.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 04/10/2018, ông S trực tiếp mang số tiền 200.000.000 đồng giao cho T tại bến xe Nam L thuộc phường Nam L, thành phố Đ, tại đây T yêu cầu ông S đưa thêm 30.000.000 đồng làm chi phí, sau đó ông S đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng B của T số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 20/10/2018, T yêu cầu ông S đưa thêm cho T 20.000.000 đồng tiền chi phí tiếp khách, ông S đã đưa cho T số tiền trên, T hứa hẹn cuối năm 2018 con ông S có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt tổng số tiền 250.000.000 đồng của ông S và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Giấy giao nhận tiền” có nội dung Nguyễn Quốc S đưa cho Lương Duy T 250.000.000 đồng để xin việc làm; 01 tờ giấy A4 có tiêu đề Giấy hẹn trả tiền, ghi ngày 18/4/2019. Kết luận giám định

của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 62: Tháng 10/2018, ông Thái Thanh C, trú tại xã Thượng H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, thông qua bà Lê Thị T, sinh năm 1975, trú tại phường Nam L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đến gặp Lương Duy T và nói đang có nguyện vọng xin việc làm. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng xin được cho ông C vào biên chế chính thức, giảng dạy tại huyện L với mức giá là 150.000.000 đồng. Tin là thật, ông C đã giao cho T 03 lần với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, T hứa hẹn đến tháng 11/2018, ông C có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 150.000.000 đồng của ông Thái Thanh C và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, không thấy có quyết định, ông C nhiều lần liên lạc, đòi lại tiền và T đã trả 15.000.000 đồng, còn lại 135.000.000 đồng, T không có khả năng trả. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy nhận tiền”; 01 giấy cam kết trả nợ lập ngày 30/01/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 63: Tháng 10/2018, Lương Duy T nghe bà Trần Thị H, giáo viên trường mầm non xã Kim H nói chuyện về việc có bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1970, trú tại xã Lê H, huyện TH, tỉnh Quảng Bình đang có nhu cầu tìm việc làm cho con, vì đang nợ nần nên T đã xin số điện thoại sau đó liên lạc cho bà D, tự giới thiệu hiện đang là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình và đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được việc làm cho con bà D vào giảng dạy chính thức tại Trường T cấp chính trị, mức giá là 200.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 12/10/2018, bà D cùng con gái giao cho T 100.000.000 đồng, để tạo lòng tin T viết giấy biên nhận tiền và một bản pho to có công chứng giấy phép lái xe của T, T hứa hẹn đến tháng 12/2018 con bà D có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim D và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy A4, một mặt là bản pho to giấy phép lái xe mang tên Lương Duy tuyên, có chứng thực của Văn phòng Công chứng Hải Vương, mặt sau có tiêu đề Giấy biên nhận tiền ghi ngày 12/10/2018; 01 tờ giấy A4 có tiêu đề “Giấy hẹn trả nợ” ghi ngày 23/4/2019. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 64: Tháng 11/2018, ông Lê N T, trú tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình liên lạc và gặp Lương Duy T tại quán cà phê H, thuộc phường ĐH (trước đây là phường H), thành phố Đ, Quảng Bình, ông T nói rằng đang có nguyện vọng tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông T vào làm tại Cảng hàng không Đ với mức giá là 400.000.000 đồng. Tin là thật, ngày 02/11/2018, ông T đã hai lần đưa cho T với tổng số tiền là 400.000.000 đồng, T hứa hẹn đến ngày 15/11/2018 con ông T sẽ có quyết định đi làm. Ngày 03/11/2018, T tiếp tục yêu cầu ông T đưa thêm 50.000.000 đồng để cho con ông T đi học nghiệp vụ và ông T đã đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 450.000.000 đồng của ông Lê N T và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định, ông T nhiều lần liên lạc, đòi lại tiền và T đã trả cho ông T 300.000.000 đồng, còn lại số tiền 150.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “giấy mượn tiền” lập ngày 02/11/2018. Kết luận giám định của

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 65: Vào tháng 11/2018, ông Nguyễn Q P, trú tại xã Liên T, huyện L, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T nói có con vừa tốt nghiệp Đại học sư phạm, đang có nguyện vọng làm việc tại tỉnh Quảng Bình. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông P vào giảng dạy tại Trường THCS Nam L, với số tiền 300.000.000 đồng. Tin là thật, ông P đã giao cho T 50.000.000 đồng, đến chiều cùng ngày tiếp tục giao cho T 150.000.000 đồng tại quán cà phê T Việt ở thành phố Đ và 1 bộ hồ sơ xin việc, T hứa hẹn đến ngày 20/12/2018 sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Q P và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, không thấy có quyết định, anh P nhiều lần đòi lại tiền và T đã trả được 0, còn lại 160.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy cam kết trả nợ” ghi ngày 26/12/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 66: Vào tháng 11/2018, ông Nguyễn Đức P, trú tại phường B Nghĩa, thành phố Đ, Quảng Bình, đến nhà Lương Duy T chơi, ông P nói chuyện đang có nhu cầu tìm việc cho con trai, vì đang trong tình trạng nợ nần, T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông P vào làm việc tại Cảng hàng không Đ. Để tạo lòng tin, T đưa ra các thông tin như Sân bay Đ đang được mở rộng, cần nhân viên, T có một suất vào làm ở bộ phận an ninh của Cảng hàng không Đ, mức lương khởi điểm 15.000.000 đồng/tháng, mức giá là 350.000.000 đồng, đặt cọc trước 200.000.000 đồng. Ông P tin đó là thật nên đồng ý, chiều ngày 26/12/2018, Lương Duy T đến nhà của ông P chơi, tại đây ông P đã giao cho T 200.000.000 đồng cùng bộ hồ sơ xin việc của con trai, Lương Duy T viết giấy nhận tiền và hứa hẹn 1 tháng sau con ông P có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Đức P và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, thấy không có quyết định đi làm, ông P nhiều lần đến lấy lại tiền, T đã trả 30.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy nhận tiền, ghi ngày 26/12/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 67: Tháng 11/2018, bà Võ Thị B, trú tại xã Lương N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình gọi điện cho Lương Duy T hỏi về khả năng xin việc làm cho con, T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con bà B vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục, giảng dạy tại Trường T học cơ sở T Đức, Đ với giá 270.000.000 đồng, vì biết T là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình, vợ là Trưởng phòng giáo dục thành phố Đ nên bà B tin tưởng và đã giao cho T số tiền 270.000.000 đồng, T hứa hẹn sau tết năm 2018 sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 270.000.000 đồng của bà Võ Thị B và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Đến hẹn, con bà B không được đi làm như lời T nói, bà B tìm T để lấy lại tiền nhưng T không có khả năng trả. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy mượn tiền để xin việc ghi ngày 10/11/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết của Lương Duy T.

- Lần thứ 68: Tháng 11/2018, ông Nguyễn Anh K, trú tại phường Nam L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, thông qua các mối quan hệ biết đến Lương Duy T là

cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình, do đang có nhu cầu tìm việc làm cho con nên ông K đã liên hệ với Lương Duy T. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông K vào làm tại bộ phận an ninh Sân bay Đ, với giá 400.000.000 đồng. Tin là thật, từ ngày 12/11/2018 đến ngày 14/11/2018, ông K đã đưa cho T 03 lần với tổng số tiền là 400.000.000 đồng, T hứa hẹn đầu tháng 12/2018 sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 400.000.000 đồng của ông Nguyễn Anh K và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ giấy nộp tiền mặt của ngân hàng B, số 0245 ngày 12/11/2018, có nội dung NGUYEN THI XUAN nộp tài khoản 53110000103635 của LUONG DUY TUYEN; 01 tờ giấy vở ghi ngày 14/11/2018 có tiêu đề “Giấy mượn tiền” có nội dung Lương Duy T mượn của Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng, 01 tờ giấy ghi ngày 27/01/2019 có tiêu đề “Giấy nhận tiền” có nội dung Lương Duy T nhận của Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

- Lần thứ 69: Tháng 12/2018, vì đang trong tình trạng nợ nần, cần tiền để trả nợ và khi biết ông Nguyễn Anh T, trú tại tỉnh Nghệ An đang có nhu cầu tìm việc làm tại tỉnh Quảng Bình để được gần gia đình vợ. Lương Duy T đã liên lạc với ông T và đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho ông T vào làm việc tại Cảng hàng không Đ, mức giá là 400.000.000 đồng. Ông T đã tin tưởng nên đến Ngân hàng TMCP B (B), Chi nhánh Đ Hải Phòng nộp vào tài khoản Ngân hàng B của T số tiền 200.000.000 đồng, T hứa hẹn đến tháng 12/2018 ông T sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Anh T. Sau đó, biết T không có khả năng xin việc làm, ông T đã nhiều lần đến đòi lại tiền và Lương Duy T trả lại 45.000.000 đồng, còn lại 155.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 01 biên lai Giấy nộp tiền mặt số 0044, ngày 07/12/2018 chi nhánh Đ Hải Phòng của Ngân hàng B.

- Lần thứ 70: Tháng 12/2018, Lương Duy T nghe được thông tin bà Bùi Thị S, trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đang có nhu cầu tìm việc làm cho con, vì đang trong tình trạng nợ nần, T đã chủ động liên lạc cho bà S, tự giới thiệu là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình và đưa ra thông tin Sân bay Đ đang có dự án mở rộng và cần tuyển thêm người, T có khả năng xin được cho con bà S vào làm tại Cảng hàng không Đ, mức lương khởi điểm là 17.000.000 đồng, mức giá xin việc là 350.000.000 đồng. Qua tìm hiểu, biết được Lương Duy T đang là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình nên bà S tin là thật và đã 03 lần giao cho T với tổng số tiền là 350.000.000 đồng và hồ sơ xin việc làm mang tên Nguyễn Thanh Đ. T hứa hẹn tháng 01/2019 con bà S có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của bà Bùi Thị S và sử dụng vào việc trả nợ ngoài xã hội.

- Lần thứ 71: Vào đầu năm, 2018, ông Trần Văn T, trú tại thôn Hiền Lộc, xã Duy N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình có nhu cầu tìm việc làm cho con gái là Trần Thị P, tốt nghiệp Đại học khoa học Huế, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông T liên hệ với Lương Duy T, vì đang trong tình trạng nợ nần, cần tiền để trả nợ nên T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con ông T vào biên chế giáo viên trung học cơ sở ở Đ, với mức giá là 150.000.000 đồng. Ông T tin thật nên đã đưa cho Lương Duy T số tiền 150.000.000 đồng, T hứa hẹn 1 tháng sau sẽ có quyết định đi làm. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của ông Trần Văn T sử dụng vào việc trả nợ

ngoài xã hội. Vật chứng thu giữ: 01 tờ Giấy nhận tiền có chữ ký của Lương Duy T lập ngày 02/01/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T;

- Lần thứ 72: Khoảng tháng 7 năm 2017, bà Nguyễn Thị Đ, trú tại Thôn 9, xã Lộc N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, biết Lương Duy T là cán bộ Tỉnh ủy Quảng Bình, nên nhờ T tìm việc làm cho con. T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho 2 người con của bà Đ vào làm tại Đoàn thanh niên thành phố Đ và Nhà khách của Công an tỉnh Quảng Bình với tổng số tiền 630.000.000 đồng. Tin là thật nên bà Đ đã đưa cho T 02 lần với tổng số tiền là 630.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền của 630.000.000 đồng của ông bà Nguyễn Thị Đ. Sau nhiều lần thúc giục, biết T không có khả năng xin việc làm, bà Đ đòi lại tiền và Lương Duy T đã trả được 380.000.000 đồng, còn lại số tiền 250.000.000 đồng. Vật chứng thu giữ: 02 tờ Giấy kê ô li không có tiêu đề, có nội dung hẹn trả tiền, có chữ ký của Lương Duy T lập các ngày 04/5/2018 và 30/11/2018. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

Lần thứ 73: Vào năm 2015, bà H Thị X, trú tại thôn Đức S, xã Đức N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình do có quen biết từ trước nên có nói chuyện với Lương Duy T về việc con gái học Kế toán ra trường nhưng chưa xin được việc làm. Vì đang trong tình trạng nợ nần nên T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con gái bà X vào làm Kế toán trường học trên địa bàn Đ, với giá 200.000.000 đồng. Bà X tin thật nên đã 2 lần đưa cho Lương Duy T số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của bà X. Sau nhiều lần thúc giục, biết T không có khả năng xin việc làm, bà X đòi lại tiền và Lương Duy T đã trả được 115.000.000 đồng, còn lại số tiền 85.000.000 đồng.

Lần thứ 74: Vào năm 2015, ông Trần Đình V, trú tại Tổ dân phố 1, phường B L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình do có quen biết từ trước nên có nói chuyện với Lương Duy T về việc có con gái là Trần Thị T, đang dạy hợp đồng tại Trường Mầm non chuẩn bị hết hợp đồng, vì đang trong tình trạng nợ nần nên T đã đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng xin được cho con gái ông V vào biên chế chính thức trong ngành Giáo dục, giảng dạy ở một trường cấp 1, 2 bất kỳ ở thành phố Đ, với mức giá là 170.000.000 đồng. Tin thật nên gia đình ông V đã đưa cho Lương Duy T số tiền 170.000.000 đồng. Đến đầu năm 2017, T tiếp tục yêu cầu gia đình ông V đưa thêm 80.000.000 đồng nhưng gia đình ông V mới đưa 50.000.000 đồng cho T. Tuy nhiên, Lương Duy T không thực hiện xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền 220.000.000 đồng của gia đình ông Trần Đình V. Sau nhiều lần thúc giục, biết T không có khả năng xin việc làm, gia đình ông V đòi lại tiền và Lương Duy T đã trả được 5.000.000 đồng, còn lại số tiền 215.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 tờ Giấy kê ô li có tiêu đề “Giấy giao nhận tiền”, lập ngày 23/7/2017, có chữ ký của Lương Duy T. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của Lương Duy T.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiếp nhận đơn trình báo của bà Phan Thị N, sinh năm 1965, trú tại phường Nam L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, trú tại phường Hải Thành, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình về việc Lương Duy T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên kết quả điều tra xác định: Việc Lương Duy T mượn tiền của bà T và bà N là

dựa trên mối quan hệ quen biết, ngay thẳng và tự nguyện, mục đích mượn tiền phục vụ cho việc xây nhà, do đó là quan hệ giao dịch dân sự.

Lương Duy T còn tự nguyện khai báo vào năm 2017, có nhận số tiền 350.000.000 đồng của bà M Thị T, trú tại thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình để xin cho con bà T vào làm việc tại sân bay thành phố Đ, sau đó đã trả lại 60.000.000 đồng, còn đang chiếm đoạt 290.000.000 đồng. Tuy nhiên bà T khai không quen biết và không đưa tiền cho Lương Duy T để nhờ xin việc làm cho con.

2. Đối với bị cáo Dương Văn T1:

Dương Văn T1, vì mong muốn nhanh chóng có tiền phục vụ cho nhu cầu của cá nhân, lợi dụng việc bản thân đang làm việc tư vấn xuất khẩu lao động, T1 đưa ra thông tin về việc bản thân có mối quan hệ rộng, quen biết nhiều lãnh đạo, có khả năng xin việc làm cho người khác vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục, để các bị hại tin tưởng và đưa tiền xin việc. T1 không dùng toàn bộ số tiền để xin việc như hứa hẹn mà chiếm đoạt một phần. Dương Văn T1 đã nhận tổng số tiền 410.000.000 đồng của chị Đinh Thị Q và anh Trương Đình S để xin việc làm cho chị Đinh Thị Q và anh Trương Đình S, sau đó, Dương Văn T1 đưa cho Lương Duy T và ông Nguyễn Văn B số tiền 280.000.000 đồng nhờ xin việc cho chị Q và anh S và giữ lại số tiền 130.000.000 đồng để chiếm đoạt. Cụ thể:

- Khoảng tháng 8/2016, chị Đinh Thị Q, trú tại thôn T, xã H Thanh, huyện M, tỉnh Quảng Bình thông qua các mối quan hệ ngoài xã hội biết Dương Văn T1 nên đã liên lạc cho T1 để nhờ xin việc làm vào biên chế trong ngành giáo dục. T1 tự nhận có khả năng xin được cho chị Q vào biên chế trong ngành giáo dục tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình, ban đầu chị Q phải đưa cho T1 50.000.000 đồng để chi phí. Tin là thật, chị Q đã mang 50.000.000 đồng đến giao cho T1 tại nhà riêng của T1. Đến tháng 3/2017, T1 gọi điện thông báo cho chị Q hiện tại thị xã B có thi tuyển viên chức, yêu cầu chị Q chuẩn bị hồ sơ và số tiền khoảng 100.000.000 đồng. Chị Q bỏ 100.000.000 đồng vào phong bì đưa cho T1, sau đó cùng T1 đến gặp ông H Đại T2, sinh năm 1959, trú tại phường B, thị xã B để nhờ ông T2 giúp chị Q trong kỳ thi tuyển viên chức giáo viên tại thị xã B, T1 đã để lại một phong bì đựng tiền của chị Q trên bàn ở phòng khách nhà ông T2. Sau kỳ thi, chị Q không đậu nên T1 đến nhà ông T2 để lấy lại tiền, gặp bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1960 (vợ của ông H Đại T2), bà B đã cùng T1 kiểm tra trong phong bì có 100.000.000 đồng. Sau khi lấy tiền, T1 gọi điện thông báo cho chị Q về việc tại thành phố Đ đang có suất, nếu cần thì T1 sẽ giúp, chị Q đồng ý, T1 đến gặp Lương Duy T đưa hai lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng (lần đầu 50.000.000 đồng, lần hai 20.000.000 đồng) để nhờ xin việc cho chị Q. Còn lại số tiền 80.000.000 đồng T1 chiếm đoạt. Sau khi T1 không xin được việc làm, chị Q đã nhiều lần thúc dục và đòi lại tiền, đến tháng 01/2019 T1 trả lại cho chị Q 50.000.000 đồng và trong thời gian truy tố, T1 tiếp tục trả lại cho Q 30.000.000 đồng.

- Vào tháng 8/2017, Dương Văn T1 đưa ra thông tin với chị Đinh Thị N, trú tại thị trấn Quy Đạt, huyện M, tỉnh Quảng Bình về việc hiện T1 đang có 02 suất vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục, mức giá xin vào là 260.000.000 đồng, sau một tuần có quyết định đi dạy, nếu ai có nhu cầu thì liên hệ trực tiếp cho T1. Biết được thông tin từ chị Đinh Thị N, ông Trương Đình Q, trú tại xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình liên hệ gặp và nhờ Dương Văn T1 xin vào biên chế chính thức trong ngành giáo dục cho con trai. Ngày 08 và 09/8/2017, ông Q mang số tiền 260.000.000 đồng và bộ hồ sơ xin việc mang tên Trương Đình S đến nhà Dương Văn T1 để giao cho T1 nhưng không có T1 ở nhà và T1 đã gọi điện cho vợ là Đặng

Thị X H nhận toàn bộ số tiền từ ông Q. Sau đó, T1 đưa 210.000.000 đồng giao cho ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962, trú tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để nhờ ông B xin việc và ông Nguyễn Văn B tiếp tục đưa số tiền 210.000.000 đồng vào giao cho Lương Duy T để nhờ xin việc làm cho Trương Đình S. Còn lại số tiền 50.000.000 đồng, Dương Văn T1 chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Trong quá trình điều tra, Dương Văn T1 giao nộp số tiền 50.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn B đưa cho Dương Văn T1 70.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại cho ông Trương Đình Q. Hiện còn thiếu của ông Trương Đình Q 140.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Giấy nhận tiền lập ngày 9/8/2017 do Đặng Thị X H (vợ của T1) viết và ký khi nhận tiền. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận chữ ký, chữ viết là của chị Đặng Thị X H.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, trước khi vụ án được trả lại hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, Dương Văn T1 đã tìm gặp, trả cho ông Trương Đình Q số tiền 140.000.000 đồng; tìm gặp trả cho bà Đình Thị Q số tiền 70.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành kê biên đất ở và nhà ở tại Thửa đất số 80, tờ bản đồ địa chính số 71, tại thôn T Nghĩa 4, xã Nghĩa N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, diện tích 1.014,8m², trong đó: Đất trồng cây lâu năm 814,8m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN303486 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/7/2018, mang tên Lương Duy T. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN303486 đang được thế chấp để vay tiền tại bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ, sinh năm 1968, trú tại Tổ dân phố 8, phường Nam L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Quá trình điều tra, các chị, em ruột của bị cáo Lương Duy T có đơn trình bày đề nghị xác định quyền thừa kế đối với thửa đất trên.

Vật chứng khác của vụ án, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số vật chứng gồm:

- 01 (một) bộ hồ sơ mang tên Nguyễn Thị H H, sinh năm 1990, trú tại thị trấn Đ, huyện TH, tỉnh Quảng Bình.

- 01 (một) bộ hồ sơ mang tên M Thị Kiều O.

- 01(một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 3569.5609.8124.974; số seri 2: 3659.5609.9104.948, máy gắn 02 thẻ sim của nhà mạng Vinaphone và mobifone.

- 01 (một) máy điện thoại di động mặt trước có chữ FORME, imei 1: 3560.0209.040.0975; Imei 2: 3560.0209.040.0983, máy gắn 01 thẻ sim Vinaphone, máy cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy tính xách tay, nhãn hiệu Dell, Sivercte tag 23CWWZG1, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 120.000.000 đồng, sau đó, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trương Đình Q số tiền 50.000.000 đồng, hiện còn 70.000.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản Cục T hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 17/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ các Điều 292, 298, 299, 326, các khoản 2, 3 Điều 329 và Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. T bố các bị cáo Lương Duy T, Dương Văn T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015,

sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Duy T. Xử phạt bị cáo Lương Duy T 14 năm tù (mười bốn năm), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 15 tháng 5 năm 2019.

Áp dụng c khoản 2 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Văn T1. Xử phạt bị cáo Dương Văn T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17 tháng 9 năm 2020).

Giao bị cáo Dương Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Trạch, huyện B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo Dương Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về T hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách mà bị cáo Dương Văn T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lương Duy T, Dương Văn T1 theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Về trách nhiệm trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Đối với bị cáo Lương Duy T:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lương Duy T trả lại số tiền 16.893.000.000 đồng còn chiếm đoạt của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

1. Ông Nguyễn Văn C: 150.000.000 đồng;
2. Ông Đặng Anh T: 287.000.000 đồng;
3. Ông Võ Q B: 100.000.000 đồng;
4. Bà Đặng Thị T H: 165.000.000 đồng;
5. Ông Châu Công L: 90.000.000 đồng;
6. Bà Đỗ Thị B: 234.000.000 đồng;
7. Bà Phạm Thị H: 75.000.000 đồng;
8. Ông Lê X H: 200.000.000 đồng;
9. Bà Trần Thị P: 170.000.000 đồng;
10. Bà Nguyễn Thị Anh Đ: 250.000.000 đồng;
11. Bà Nguyễn Thị Diệu L: 200.000.000 đồng;
12. Ông Trần Thế M: 220.000.000 đồng;
13. Ông Đặng Văn V: 330.000.000 đồng;
14. Ông Nguyễn Đại S: 160.000.000 đồng;
15. Bà Phan Thị T N: 129.500.000 đồng;
16. Bà Phan Thị A: 250.000.000 đồng;
17. Ông Nguyễn Văn T: 170.000.000 đồng;
18. Ông Trần Q N: 240.000.000 đồng;
19. Ông Đ Văn T: 120.000.000 đồng;
20. Bà Nguyễn Thị N: 145.500.000 đồng;
21. Ông Nguyễn C T1: 40.000.000 đồng;
22. Ông Phạm Văn H: 270.000.000 đồng;

23. Bà Lê Thị Kim T: 200.000.000 đồng;
24. Ông Nguyễn Văn K: 220.000.000 đồng;
25. Bà Lê Thị H X: 185.000.000 đồng;
26. Ông Nguyễn Văn C: 160.000.000 đồng;
27. Ông Lê Quốc C: 175.000.000 đồng;
28. Ông Cao Tiến H: 355.000.000 đồng;
29. Bà H Thị H: 150.000.000 đồng;
30. Bà Lê Thị Mộng T: 100.000.000 đồng;
31. Bà H Thị N: 220.000.000 đồng;
32. Ông Cao X H: 300.000.000 đồng;
33. Ông Trần Văn K: 330.000.000 đồng;
34. Ông Trần Bá P: 175.000.000 đồng;
35. Bà Phạm Thị An T: 210.000.000 đồng;
36. Ông Nguyễn Văn B: 320.000.000 đồng;
37. Ông Nguyễn Văn H: 185.000.000 đồng;
38. Ông Trần Văn C: 100.000.000 đồng;
39. Ông Nguyễn P: 200.000.000 đồng;
40. Ông Nguyễn Trường P: 280.000.000 đồng;
41. Ông Hồ Quảng Đ: 70.000.000 đồng;
42. Ông Phan X N: 380.000.000 đồng;
43. Ông Đinh Gia B: 215.000.000 đồng;
44. Ông Trương Minh N, bà Trần Thị T: 280.000.000 đồng;
45. Ông H Hải Nam: 350.000.000 đồng;
46. Bà Ngô Thị H: 380.000.000 đồng;
47. Ông Lê Anh T: 400.000.000 đồng;
48. Bà Nguyễn Thị T: 200.000.000 đồng;
49. Ông Đỗ Q T: 300.000.000 đồng;
50. Bà Lê Thị Kim H: 200.000.000 đồng;
51. Ông Trần Quốc T: 350.000.000 đồng;
52. Ông Nguyễn N V: 235.000.000 đồng;
53. Ông Trương Anh T: 330.000.000 đồng;
54. Ông Võ Văn C: 250.000.000 đồng;
55. Ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị B T: 400.000.000 đồng;
56. Ông Lê Đình L: 370.000.000 đồng;
57. Ông Lê Viết B: 262.000.000 đồng;
58. Ông Nguyễn Quốc S: 250.000.000 đồng;
59. Ông Thái Thanh C: 135.000.000 đồng;
60. Bà Nguyễn Thị Kim D: 100.000.000 đồng;
61. Ông Lê N T: 150.000.000 đồng;
62. Ông Nguyễn Q P: 160.000.000 đồng;
63. Ông Nguyễn Đức P: 170.000.000 đồng;
64. Bà Võ Thị B: 270.000.000 đồng;
65. Ông Nguyễn Anh K: 400.000.000 đồng;
66. Ông Nguyễn Anh T: 155.000.000 đồng;
67. Bà Bùi Thị S: 350.000.000 đồng;
68. Bà H Thị M: 20.000.000 đồng;
69. Ông Trần Văn T: 150.000.000 đồng;
70. Bà Nguyễn Thị Đ: 250.000.000 đồng;

71. bà H Thị X: 85.000.000 đồng;

72. Ông Trần Đình Văn: 215.000.000 đồng.

Bị cáo Lương Duy T phải trả lại cho bị cáo Dương Văn T1 số tiền 210.000.000 đồng. (Bao gồm 140.000.000 đồng Dương Văn T1 đã trả lại cho bị hại Trương Đình Q và 70.000.000 đồng Dương Văn T1 đã trả lại cho bị hại Đình Thị Q).

Bị cáo Lương Duy T phải trả lại cho ông Lê Minh H số tiền 920.0000.000 đồng mà ông H đã giao cho Lương Duy T. (Trong đó có số tiền của ông H Thanh L: 290.000.000 đồng; có số tiền của bà H Thị L: 260.000.000 đồng).

Bị cáo Lương Duy T phải trả lại cho ông Nguyễn Văn B 70.000.000 đồng (là tiền ông B đã trả lại cho bị hại Trương Đình Q).

Đối với bị cáo Dương Văn T1:

Trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Dương Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B đã khắc phục xong số tiền 410.000.000 đồng thiệt hại cho các bị hại Trương Đình Q, Đình Thị Q, các bị hại này không yêu cầu gì thêm ngoài số tiền đã nhận và số tiền đã có đề nghị được trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà H Thị L đã được Lương Duy T trả lại số tiền 20.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Phạm Văn Quốc đã được ông Lê Minh H đã trả lại 200.000.000 đồng; bà H Thị M mẹ của H Thị T đã được ông Lê Minh H trả lại 160.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Lê Minh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Minh H phải trả lại cho ông H Thanh L: 290.000.000 đồng;

Phải trả lại cho bà H Thị L: 260.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyết định về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/09/2020, Bị cáo Lương Duy T kháng cáo với nội dung: Giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị hại: Nguyễn Trường P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn K, H Thị H, Lê Quốc C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T, Trần Thị P, Lê Thị H X, Lê Thị Kim T, Nguyễn Văn C, Phạm Thị An Thủy, Cao X H, Cao Tiến H, kháng cáo với cùng nội dung: Buộc bà Trần Thị S vợ của T chịu trách nhiệm cùng trả nợ. Buộc bị cáo trả đủ tiền trước khi thi hành án hình sự.

- Bị hại Lê Đình L uỷ quyền cho ông Phạm T, kháng cáo đề nghị xem xét lại quá trình điều tra đối với bị cáo và xem xét lại 14 năm tù có thoả đáng chưa.

- Các bị hại Phạm Văn H, Châu Công L, Nguyễn Đại S, Lê Anh T, Nguyễn Thị Diệu L kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với Lương Duy T, làm rõ số tiền lừa đảo hiện giờ đang ở đâu, phương án trả tiền cho các bị hại.

- Các bị hại Đ Văn T, Nguyễn Thị Đ, Trần Q N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lương Duy T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt như đơn kháng cáo ngày 26/09/2020. Bị cáo trình bày do làm ăn thua lỗ, vỡ nợ mà bị cáo đã lấy tiền của người này để trả nợ cho người khác. Trong thời gian bị tam giam bị cáo đã động viên gia đình cố gắng vay mượn để khắc phục cho những người bị hại 2.6000.000.000đ, sau khi xử sơ thẩm gia đình xoay xở khắc

phục thêm được 150.000.000đ; bị cáo hứa sau khi ra tù sẽ đòi nợ trên một số anh em bạn bè để tiếp tục trả nợ; bị cáo còn có tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện được nhiều vụ án được trại tạm giam công an Quảng Bình xác nhận. Trước đây bị cáo còn tích cực trong việc hỗ trợ bảo lụt, giúp những người khó khăn hoạn nạn; bản thân bị cáo có nhiều bệnh tật. Từ đó bị cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt để sớm trở về lo làm ăn trả nợ cho người bị hại.

Các bị hại: Nguyễn Trường P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn K, H Thị H, Lê Quốc C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T, Trần Thị P, Lê Thị H X, Lê Thị Kim T, Nguyễn Văn C, Phạm Thị An Thuỷ, Cao X H, Cao Tiến H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như đơn kháng cáo là: Buộc bà Trần Thị S vợ của T chịu trách nhiệm cùng trả nợ; buộc bị cáo phải trả đủ tiền trước khi thi hành án hình sự.

Bị hại Lê Đình L uỷ quyền cho ông Phạm T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét lại quá trình điều tra đối với bị cáo và xem xét lại việc xử bị cáo 14 năm tù là chưa thoả đáng.

Các bị hại: Phạm Văn H, Châu Công L, Nguyễn Đại S, Lê Anh T, Nguyễn Thị Diệu L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với Lương Duy T, làm rõ số tiền lừa đảo hiện giờ đang ở đâu, phương án trả tiền cho các bị hại.

Các bị hại: Đ Văn T, Nguyễn Thị Đ, Trần Q N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về nội dung: Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và xử phạt 14 năm tù là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “*lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội*” theo điểm c khoản 1 Điều 52 là thiếu sót. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo có xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới là: Trong thời gian tạm giam bị cáo đã giúp trại tạm giam phát hiện nhiều tội phạm được trại xác nhận; đây là tình tiết “*người phạm tội lập công chuộc tội*” theo điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS; ngoài ra bị cáo có nhiều tình tiết mới tại khoản 2 Điều 51 như bị cáo và Luật sư trình bày. Như vậy bị cáo có phát sinh thêm 1 tình tiết tăng nặng và 01 tình tiết giảm nhẹ; nên không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo. Đối với kháng cáo của các bị hại đều không có cơ sở; đề nghị không chấp nhận.

Luật sư Đỗ N T bào chữa cho bị cáo T có ý kiến mức án Tòa cấp sơ thẩm tuyên phạt cho bị cáo T là quá nghiêm khắc, đề nghị HĐXX giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với kháng cáo của bị hại cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm tăng hình phạt vì tình tiết tăng nặng “*bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn*” là không có cơ sở. Bởi lẽ các bị hại tìm gặp bị cáo đề nghị xin việc chứ bị cáo chưa nói với ai rằng mình là cán bộ tỉnh uỷ dễ dàng xin được việc để lừa đảo; bị cáo trong cơn bí bách nợ nần và cũng mong muốn xin được việc để có tiền trả nợ. Bị

cáo có nhiều thành tích xuất sắc như được UBND tỉnh tặng danh hiệu “chiến sỹ thi đua” và bằng khen vào ngày 03/5/2013; ban chấp hành công đoàn tỉnh tặng Giấy khen vào ngày 29/12/2011; gia đình bị cáo có công cách mạng, mẹ được tặng Huân chương kháng chiến; UBND xã Nghĩa N cũng xác nhận bị cáo có công đóng góp xây dựng nhà văn hóa thôn ngày 25/12/2019; được Hội chữ thập đỏ Đ “Ghi nhận tấm lòng nhân đạo” vì thành tích ủng hộ bão lụt năm 2016. Ngoài các tình tiết trên, bị cáo cũng được trại giam xác nhận là “lập công chuộc tội”. Do vậy đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo xuống bằng khởi điểm khung hình phạt.

Luật sư Lê H S bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: Đa số bị hại tự liên hệ gặp nhờ bị cáo giúp đỡ, chứ bị cáo không chủ động; bị cáo bị thúc ép nợ ngoài xã hội nên toàn bộ tiền có được bị cáo trả nợ chứ không tiêu xài cho bản thân; đa số bị cáo có viết giấy nhận tiền chứ không phải cố tình trốn tránh chiếm đoạt; sự việc xảy ra bị cáo không bỏ trốn mà chủ động gặp gỡ bị hại dàn xếp trả nợ dần. Ngoài 05 tình tiết giảm nhẹ b, s, t, v theo khoản 1 Điều 51 mà sơ thẩm áp dụng, tại cấp phúc thẩm còn có tình tiết “*Người phạm tội đã lập công chuộc tội*” theo điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS; có đơn xin giảm nhẹ của một số bị hại...và một số tình tiết khác mà luật sư đồng nghiệp đã nêu...do vậy đề nghị khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS.

Luật sư Hồ L Hải bảo vệ quyền lợi cho ông Nguyễn Đại S và ông Châu Công L trình bày quan điểm: Thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 52 BLHS tăng nặng hình phạt cho bị cáo, vì khi nhận tiền của bị hại bị cáo có nói yên tâm đi “tôi là cán bộ Tỉnh ủy; việc bị cáo viết giấy nhận thể hiện sự tinh vi làm cho bị hại tin mà giao tiền cho bị cáo; bị cáo lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, bức bách về công việc làm của người dân để phạm tội và phạm tội nhiều lần nhiều năm rất chuyên nghiệp bằng những thủ đoạn tinh vi, xảo huyệt. Do vậy đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng tại điểm b, c, l, m khoản 1 Điều 52 BLHS tăng hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù có 04 người bị hại kháng cáo nhưng vắng mặt, vì lý do dịch bệnh. Tuy nhiên bị cáo, những người bị hại có mặt, người bào chữa, Kiểm sát viên đều thống nhất đề nghị HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa. Qua thảo luận, HĐXX xét thấy việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc kháng cáo của bị cáo và các bị hại, do vậy HĐXX quyết định tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, xét thấy lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nên đã có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian 06 năm, từ năm 2013 đến năm 2019, mặc dù bản thân không có khả năng xin việc làm cho người khác nhưng các bị cáo Lương Duy T và Dương Văn T1 đã đưa ra nhiều thông tin gian dối làm cho 79 người có nguyện vọng xin việc làm cho con, cháu tin là thật nên đã giao cho các bị cáo tổng

số tiền 19.643.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên thì các bị cáo không xin việc làm như đã hứa mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để sử dụng vào mục đích cá nhân; quá trình tố tụng, bị cáo đã hoàn trả 2.650.000.000đ, còn lại 16.893.000.000đ. Với hành vi và hậu quả nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quy kết bị cáo Lương Duy T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo T có 05 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 52 BLHS nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 14 năm tù; bị cáo Dương Văn T1 phạm tội theo điểm c khoản 2 Điều 174 nên bị xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo và buộc các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của của các bị hại: Nguyễn Trường P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn K, H Thị H, Lê Quốc C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T, Trần Thị P, Lê Thị H X, Lê Thị Kim T, Nguyễn Văn C, Phạm Thị An Thủy, Cao X H, Cao Tiến H có nội dung là: Buộc bà Trần Thị S vợ của T chịu trách nhiệm cùng trả nợ; HĐXX thấy rằng: Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội được pháp luật xử lý hình sự theo trách nhiệm cá nhân, bản thân bị cáo khi chiếm đoạt tiền của bị hại cũng dùng vào mục đích cá nhân, chứ không dùng chung cho gia đình. Quá trình bị cáo phạm tội, bà Trần Thị S là vợ bị cáo không hề hay biết, nên không có căn cứ buộc bà sáu cùng chịu trách nhiệm hình sự, nên không có cơ sở buộc bà S bồi thường thiệt hại trên. Đối với kháng cáo của các bị hại về việc buộc bị cáo phải trả đủ tiền trước khi thi hành án hình sự; thấy rằng pháp luật không quy định bị cáo phải khắc phục trước khi thi hành án hình sự, đây chỉ là tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nếu bị cáo khắc phục trước khi xét xử, hoặc là tình tiết để xem xét giảm án nếu quá trình thi hành án bị cáo khắc phục được số tiền trên. Trong trường hợp bị cáo chưa bồi thường hoặc bồi thường chậm thì pháp luật đã quy định buộc bị cáo phải chịu trả lãi theo lãi suất quy định, nên những người bị hại vẫn đảm bảo được quyền lợi của mình.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Lê Đình L uỷ quyền cho ông Phạm T có nội dung là đề nghị xem xét lại quá trình điều tra đối với bị cáo; HĐXX thấy rằng: Quá trình điều tra vụ án của cơ quan điều tra đều có sự kiểm sát chặt chẽ của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và cho thấy không có sự khiếu nại nào, nên kháng cáo của ông L không có căn cứ. Riêng kháng cáo yêu cầu xem xét lại việc xử bị cáo 14 năm tù là chưa thỏa đáng, thực chất là kháng cáo tăng nặng hình phạt cho bị cáo đã được HĐXX nhận định như phần [2], vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông L.

[5] Xét kháng cáo của các bị hại Phạm Văn H, Châu Công L, Nguyễn Đại S, Lê Anh T, Nguyễn Thị Diệu L có nội dung là yêu cầu tăng hình phạt đối với Lương Duy T; nội dung này đã được HĐXX nhận định tại phần [2]. Đối với kháng cáo làm rõ số tiền lừa đảo hiện giờ đang ở đâu, phương án trả tiền cho các bị hại của các bị cáo; HĐXX thấy rằng: Quá trình điều tra các cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã tiến hành xác minh truy tìm số tiền các bị cáo chiếm đoạt nhưng không thể hiện là đang tồn tại; theo lời khai của bị cáo là khi chiếm đoạt số tiền trên bị cáo đã trả các khoản nợ do làm ăn thua lỗ trước đó gây ra và chi tiêu cho các nhân nên không còn. Còn kháng cáo về phương án trả tiền cho các bị hại của các bị cáo; xét thấy: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành kê biên đất ở và nhà ở tại Thửa đất số 80, tờ bản đồ địa chính số 71, tại thôn T Nghĩa 4, xã Nghĩa N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, diện tích 1.014,8m², trong đó: Đất trồng cây lâu năm 814,8m², có Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CN303486 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/7/2018, mang tên Lương Duy T; việc này sẽ do cơ quan thi hành án sẽ có phương án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của các bị hại Đ Văn T, Nguyễn Thị Đ, Trần Q N và của bị cáo có nội dung là xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo có cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS là “*Người phạm tội đã lập công chuộc tội*”. Như vậy ngoài 05 tình tiết giảm nhẹ b, s, t, v theo khoản 1 Điều 51 mà sơ thẩm áp dụng, tại cấp phúc thẩm còn có tình tiết theo điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS và một số tình tiết giảm nhẹ khác như: Có đơn xin giảm nhẹ của một số bị hại; gia đình bị cáo có công cách mạng, mẹ được tặng Huân chương kháng chiến; UBND xã Nghĩa N cũng xác nhận bị cáo có công đóng góp xây dựng nhà văn hóa thôn ngày 25/12/2019; được Hội chữ thập đỏ Đ “Ghi nhận tấm lòng nhân đạo” vì thành tích ủng hộ bão lụt năm 2016 và một số tình tiết khác mà luật sư và bị cáo đã nêu. Tuy nhiên, bị cáo T có hành vi phạm tội đối với nhiều người và số tiền rất lớn; tại cấp phúc thẩm có phát sinh thêm tình tiết tăng nặng nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

[7] Như vậy, từ những nhận định trên đây, xét thấy tại phiên tòa hôm những người bị hại kháng cáo tăng nặng hình nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để làm thay đổi được sự việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá, nên không có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận. Bị cáo và một số bị hại kháng cáo, tuy có chứng cứ mới; nhưng hình phạt án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên không giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Những người bị hại kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1,2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Duy T về việc xin được giảm nhẹ hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại: Nguyễn Trường P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn K, H Thị H, Lê Quốc C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T, Trần Thị P, Lê Thị H X, Lê Thị Kim T, Nguyễn Văn C, Phạm Thị An Thủy, Cao X H, Cao Tiến H về việc: Buộc bà Trần Thị S vợ của T chịu trách nhiệm cùng trả nợ; buộc bị cáo phải trả đủ tiền trước khi thi hành án hình sự; không chấp nhận kháng cáo của hại Lê Đình L uỷ quyền cho ông Phạm T về việc đề nghị xem xét lại quá trình điều tra đối với bị cáo và xem xét lại việc xử bị cáo 14 năm tù là chưa

thoả đáng; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại: Phạm Văn H, Châu Công L, Nguyễn Đại S, Lê Anh T, Nguyễn Thị Diệu L về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với Lương Duy T, làm rõ số tiền lừa đảo hiện giờ đang ở đâu, phương án trả tiền cho các bị hại; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại: Đ Văn T, Nguyễn Thị Đ, Trần Q N đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ các Điều 292, 298, 299, 326, các khoản 2, 3 Điều 329 và Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên bố các bị cáo Lương Duy T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s, t, u, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Duy T. Xử phạt bị cáo Lương Duy T **14 năm tù (mười bốn năm)**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 15 tháng 5 năm 2019.

2/ Về án phí: Bị cáo Lương Duy T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; những người bị hại kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/7/2021).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường